

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đặng Thị Ngọc Bích
Giảng viên hướng dẫn : Th.S Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG QUẢNG NINH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đặng Thị Ngọc Bích
Giảng viên hướng dẫn : Th.S Ninh Thị Thùy Trang**

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đặng Thị Ngọc Bích

Mã SV: 1213401124

Lớp: QTL603K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định

kết quả kinh tại công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

- Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
- Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh.
- Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh.
- Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
- Số liệu về tình hình kinh doanh của công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh
- Số liệu thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh.
- Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Ninh Thị Thùy Trang**

Học hàm, học vị: Thạc sỹ QTKD

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh tại công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 07 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Đặng Thị Ngọc Bích

Ninh Thị Thùy Trang

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.1.2. Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.1.2.1. Doanh thu	3
1.1.2.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu	4
1.1.2.3. Các phương thức bán hàng.....	5
1.1.2.4. Các khoản giảm trừ doanh thu	5
1.1.2.5. Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.....	6
1.1.2.6. Xác định kết quả kinh doanh.....	7
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	8
1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	8
1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu trong doanh nghiệp.....	8
1.2.1.1. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8
1.2.1.2. Tổ chức kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	10
1.2.1.3. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính	12
1.2.1.4. Tổ chức kế toán thu nhập khác	13
1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí trong doanh nghiệp.....	15
1.2.2.1. Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán	15
1.2.2.2. Tổ chức kế toán chi phí tài chính.....	18
1.2.2.3. Tổ chức kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	20
1.2.2.4. Tổ chức kế toán chi phí khác	23

1.2.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	24
1.3. Tổ chức luân chuyển chứng từ, sổ sách trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	26
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	26
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái	27
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	28
1.3.4. Hình thức kế toán máy	29
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG QUẢNG NINH	30
2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh	30
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh	30
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.....	30
2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn và thành tích của công ty	31
2.1.3.1. Thuận lợi	31
2.1.3.2. Khó khăn	31
2.1.3.3. Thành tích của công ty	31
2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	32
2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh.	34
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh.....	37
2.2.1. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh.....	37
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	37
2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	43
2.2.1.3. Kế toán chi phí bán hàng.....	50
2.2.1.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	56
2.2.4. Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	74

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG QUẢNG NINH.....	84
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán tại Công ty Cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh	84
3.1.1. Ưu điểm.....	84
3.1.2. Hạn chế.....	85
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh	86
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh.....	86
3.2.2. Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán....	87
3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh.	88
3.2.4. Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.....	96
KẾT LUẬN	97
TÀI LIỆU THAM KHẢO	98

LỜI MỞ ĐẦU

Cùng với sự phát triển của các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, hiện nay Việt Nam được đánh giá là một đất nước có nền kinh tế phát triển mạnh, là nơi thu hút rất nhiều vốn đầu tư trong và ngoài nước.

Trong những năm vừa qua, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Nhà nước, nền kinh tế nước ta có những bước chuyển biến lớn và đã đạt được một số thành tựu đáng kể như: Nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định, cơ cấu kinh tế đang từng bước được chuyển dịch, tình trạng lạm phát được ngăn chặn và đẩy lùi, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện đáng kể.

Tuy nhiên, trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế vừa có yếu tố hợp tác chặt chẽ vừa có yếu tố cạnh tranh quyết liệt ấy, các nhà kinh doanh phải năng động và sáng tạo hơn, sáng suốt với những phương án kinh doanh phù hợp để sử dụng đồng vốn một cách hiệu quả nhất, tạo khả năng chiếm lĩnh thị trường làm cho doanh nghiệp ngày càng phát triển đi lên vững mạnh. Bởi vậy, các doanh nghiệp phải luôn quan tâm đến tính hiệu quả trong hoạt động kinh tế, chú trọng đến lượng chi phí bỏ ra, doanh thu đạt được và kết quả kinh doanh trong kỳ. Do đó, hạch toán kế toán nói chung và hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là vấn đề không thể thiếu trong mỗi doanh nghiệp.

Qua thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty, em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, em quyết định lựa chọn đề tài “**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh**” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Kết cấu khóa luận ngoài *Lời mở đầu* và *Kết luận* gồm 3 phần:

Chương 1: *Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.*

Chương 2: *Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh.*

Chương 3: *Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh.*

Kết hợp kiến thức thu thập được trong quá trình học tập nghiên cứu tại trường, cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của tập thể ban lãnh đạo, phòng tài chính kế toán ở đơn vị thực tập, đặc biệt có sự hướng dẫn tận tình của Giảng viên - Thạc sỹ Ninh Thị Thùy Trang em đã hoàn thành bài khóa luận này.

Tuy nhiên do thời gian tiếp cận thực tế, khả năng nghiên cứu, nhận thức tổng quan còn hạn chế nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những sai sót. Em mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014

Sinh viên

Đặng Thị Ngọc Bích

CHƯƠNG 1:

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có một vai trò vô cùng quan trọng không chỉ đối với mỗi doanh nghiệp mà còn đối với các đối tượng khác như là các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

- Đối với mỗi doanh nghiệp: Công tác này giúp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh, trên cơ sở đó đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.
- Đối với các nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Để từ đó đưa ra các quyết định đầu tư hiệu quả.
- Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính nhằm đưa ra các quyết định cho vay hay không đối với doanh nghiệp đó.
- Đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Nó giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp Chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.1.2. Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.2.1. Doanh thu

* **Doanh thu:** Là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

*** Các loại doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Doanh thu tiêu thụ nội bộ
- Thu nhập khác

1.1.2.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính:

➤ *Doanh thu bán hàng* được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn về thời điểm chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Doanh thu, chi phí liên quan tới cùng một giao dịch phải ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

➤ *Doanh thu về cung cấp dịch vụ* được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

➤ *Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:*

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

+ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

1.1.2.3. Các phương thức bán hàng

Phương thức bán hàng trực tiếp: Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này.

Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

Phương thức bán hàng qua đại lý: Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

Phương thức trả chậm, trả góp: Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

Phương thức hàng đổi hàng: Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

Phương thức tiêu thụ nội bộ: Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, xí nghiệp, ...

1.1.2.4. Các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh toàn bộ số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính giảm trừ vào doanh thu hoạt động kinh doanh. Các khoản giảm trừ doanh thu được phản ánh trong Tài khoản 521 bao gồm: Chiết khấu thương mại, giá trị hàng bán bị trả lại và các khoản giảm giá cho người mua trong kỳ...

- *Chiết khấu thương mại:* Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- *Giá trị hàng bán bị trả lại:* Là giá trị khối lượng hàng bán xác định là đã bán bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- *Giảm giá hàng bán:* Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng bán kém phẩm chất, sai quy cách, ...

- **Thuế xuất khẩu:** Thuế xuất khẩu là thuế đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** Thuế tiêu thụ đặc biệt là thuế gián thu, thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất như: bia, rượu, thuốc lá, vàng mã, ...

- **Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:** Là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

DT DT CK DTBH giảm giá Thuế TTDB, Thuế
 Bán hàng = bán - thương - bị trả - hàng - thuế XK - GTGT
 thuần hàng mại lại bán phải nộp trực tiếp

1.1.2.5. Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp

* **Khái niệm chi phí:** Biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động và vật chất mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một khoảng thời gian nhất định.

* **Ý nghĩa:** Chi phí có ý nghĩa quan trọng quyết định đến lợi nhuận của doanh nghiệp, chi phí giảm thì lợi nhuận tăng. Do vậy, doanh nghiệp cần có biện pháp giảm chi phí tránh lãng phí làm giảm lợi nhuận.

* Các loại chi phí

- **Giá vốn hàng bán:** Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa bao gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại, hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành được (xác định là tiêu thụ) và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

- **Chi phí hoạt động tài chính:** Là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính

- **Chi phí khác:** Là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành

và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm nhằm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính hiện hành.

1.1.2.6. Xác định kết quả kinh doanh

* **Kết quả kinh doanh:** là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính, hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:* là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

$$\begin{array}{r} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động sản} \\ \text{xuất kinh} \\ \text{doanh} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần từ bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp DV} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{bán hàng} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí quản} \\ \text{lý doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array}$$

- *Kết quả hoạt động tài chính:* là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

$$\text{Kết quả hoạt động tài chính} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} - \text{Chi phí tài chính}$$

- *Kết quả hoạt động khác:* là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

* **Công thức xác định lợi nhuận của doanh nghiệp:**

$$\begin{array}{r} \text{Lợi nhuận sau} \\ \text{thuế TNDN} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Lợi nhuận kế toán trước} \\ \text{thuế TNDN} \end{array} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

$$\begin{array}{r} \text{Tổng lợi nhuận} \\ \text{kế toán trước} \\ \text{thuế} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Lợi nhuận hoạt} \\ \text{động SXKD} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Lợi nhuận hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Lợi} \\ \text{nhuận} \\ \text{khác} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{Lợi nhuận} \\ \text{hoạt động} \\ \text{SXKD} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{giảm trừ} \\ \text{doanh thu} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{bán hàng,} \\ \text{QLDN} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{Lợi nhuận hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} - \text{Chi phí tài chính}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình các khoản doanh thu và chi phí.
- Lựa chọn phương pháp xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Tham gia kiểm kê, đánh giá, lập báo cáo về tình hình tiêu thụ sản phẩm, kết quả bán hàng và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng phát sinh trong quá trình bán hàng cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp, phân bổ chi phí hợp lý.
- Tính toán phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tổng giá thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, hóa đơn, khách hàng, đơn vị trực thuộc.
- Ghi chép, theo dõi, phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập khác.
- Lập và báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời.

1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu trong doanh nghiệp

1.2.1.1. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

➤ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (đối với doanh nghiệp hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).
- Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp hạch toán thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp).
- Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ thanh toán như: phiếu chi, séc thanh toán, séc chuyển khoản, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ, ...
- Các chứng từ liên quan khác.

➤ Tài khoản sử dụng

TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Các TK cấp 2:

TK 5111 - *Doanh thu bán hàng hóa*

TK 5112 - Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5118 - Doanh thu khác

➤ **Kết cấu tài khoản**

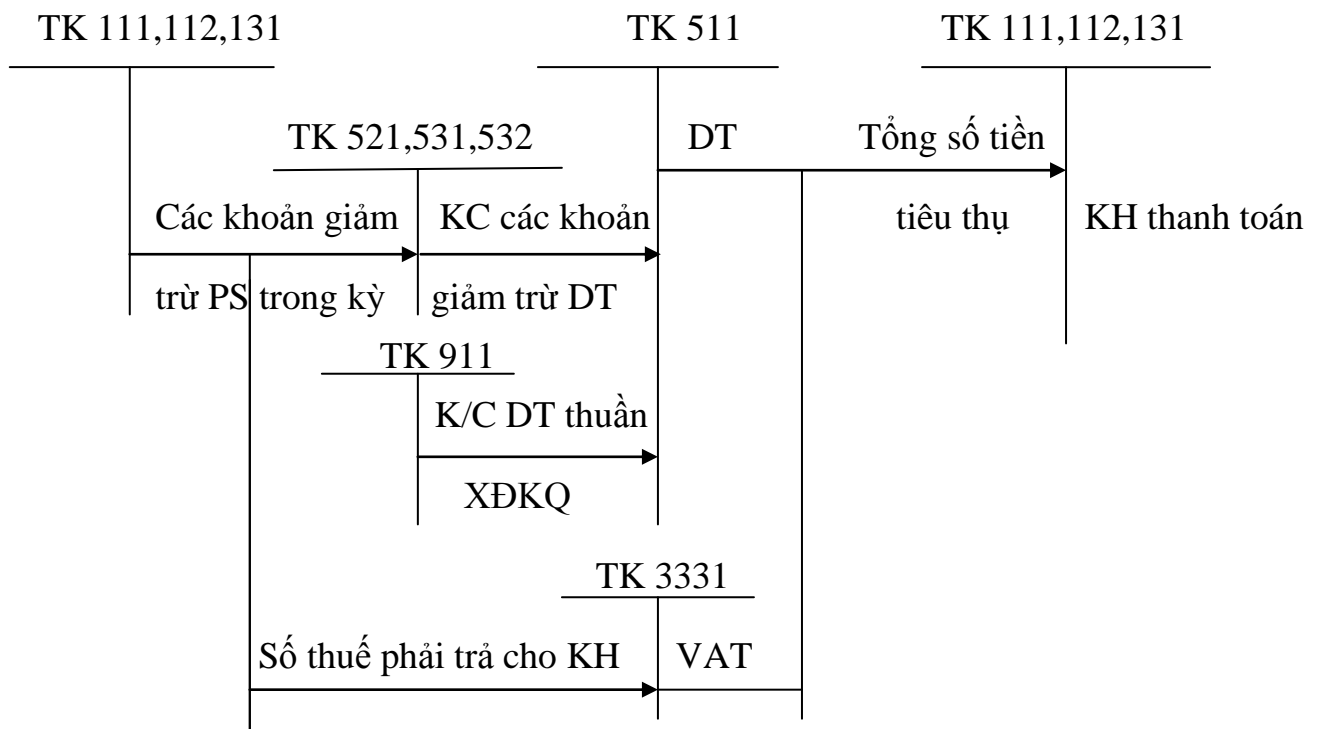
TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số thuế TTĐB, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ. - Số thuế GTGT phải nộp theo PP trực tiếp. - Số giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại và doanh thu hàng bán bị trả lại được kết chuyển giảm trừ vào doanh thu. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã được thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

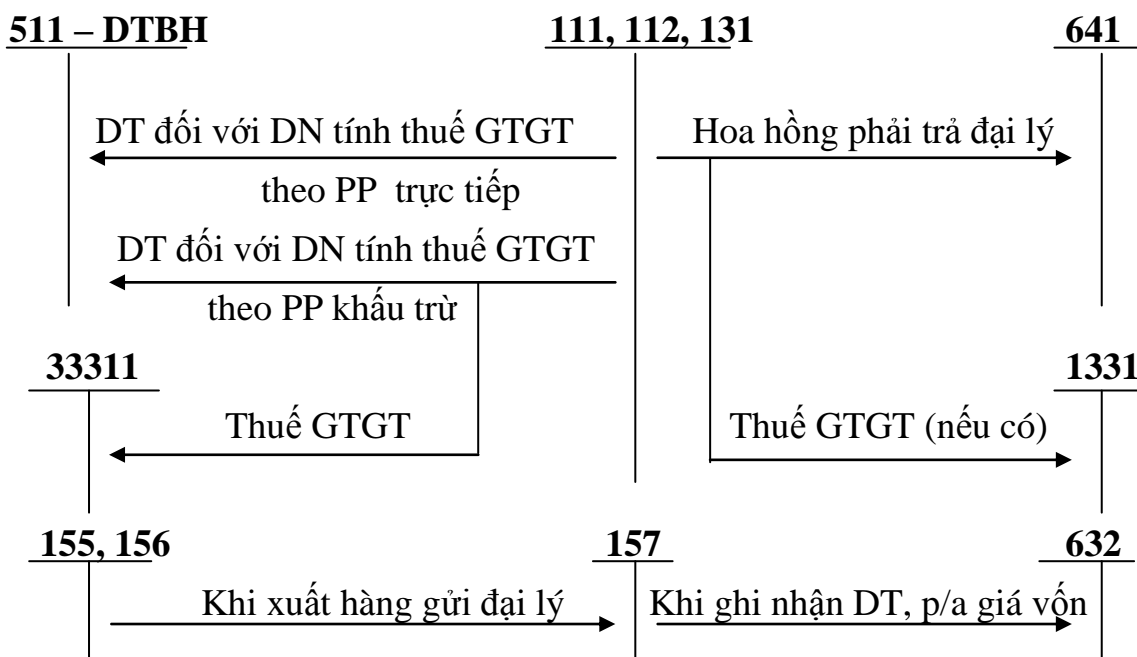
Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.

➤ **Sơ đồ hạch toán**

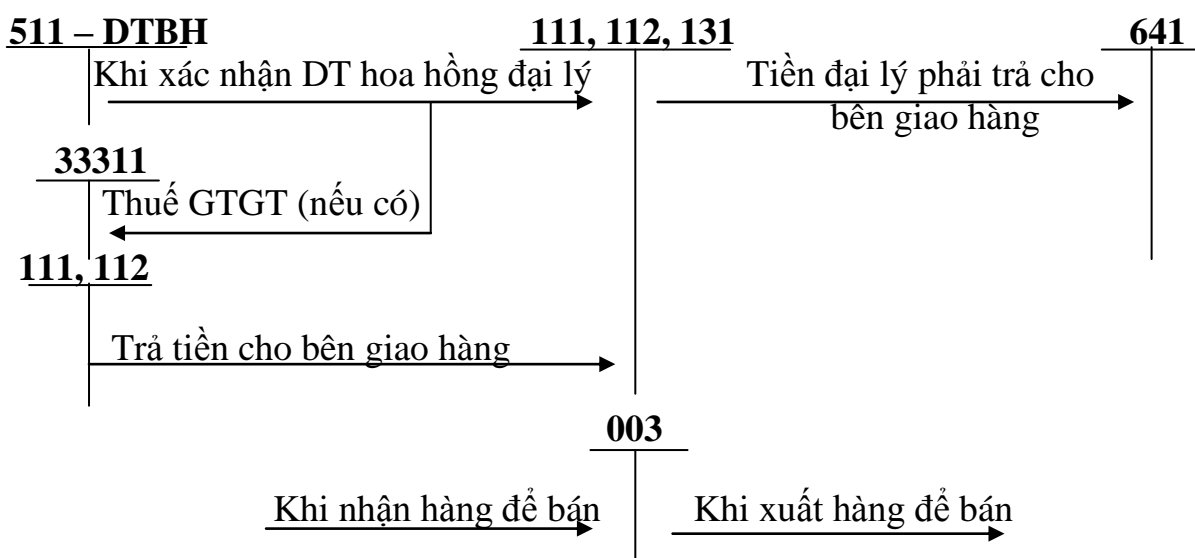
Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng



Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu bán hàng đại lý (Đối với bên giao đại lý)



Sơ đồ 1.3: Kế toán doanh thu bán hàng đại lý (Đối với bên nhận đại lý)



1.2.1.2. Tổ chức kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

➤ **Chứng từ kế toán**

- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho.
- Phiếu thu, phiếu chi.
- Hóa đơn GTGT.
- Chứng từ khác có liên quan.

➤ **Tài khoản sử dụng**

- TK 521 – Chiết khấu thương mại
- TK 531 – Hàng bán bị trả lại
- TK 532 – Giảm giá hàng bán

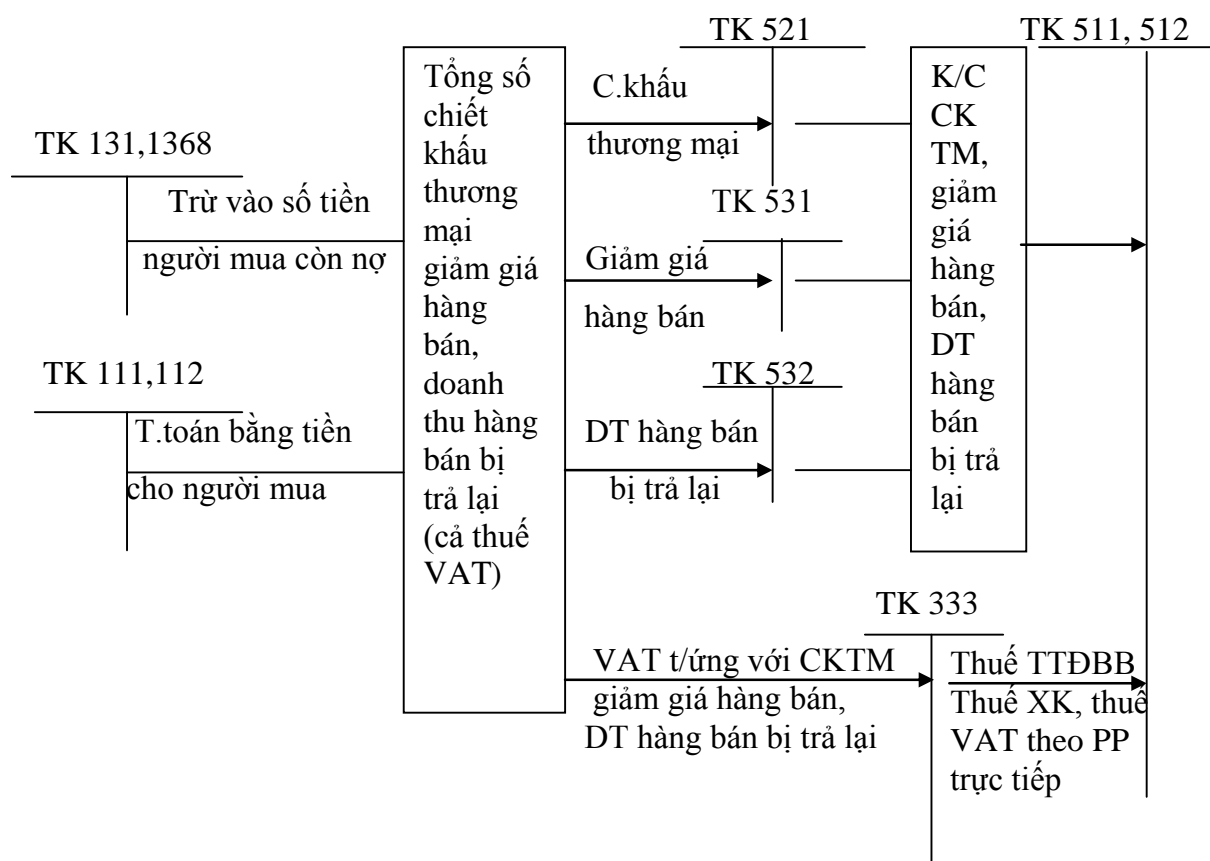
➤ **Kết cấu tài khoản**

Tài khoản 521,531.532 “Các khoản giảm trừ doanh thu”

<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán ra. - Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có
<p><i>Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ</i></p>	

➤ **Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ 1.4: Kế toán chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại



1.2.1.3. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu, giấy báo có
- Phiếu kế toán

➤ **Tài khoản sử dụng: TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”**

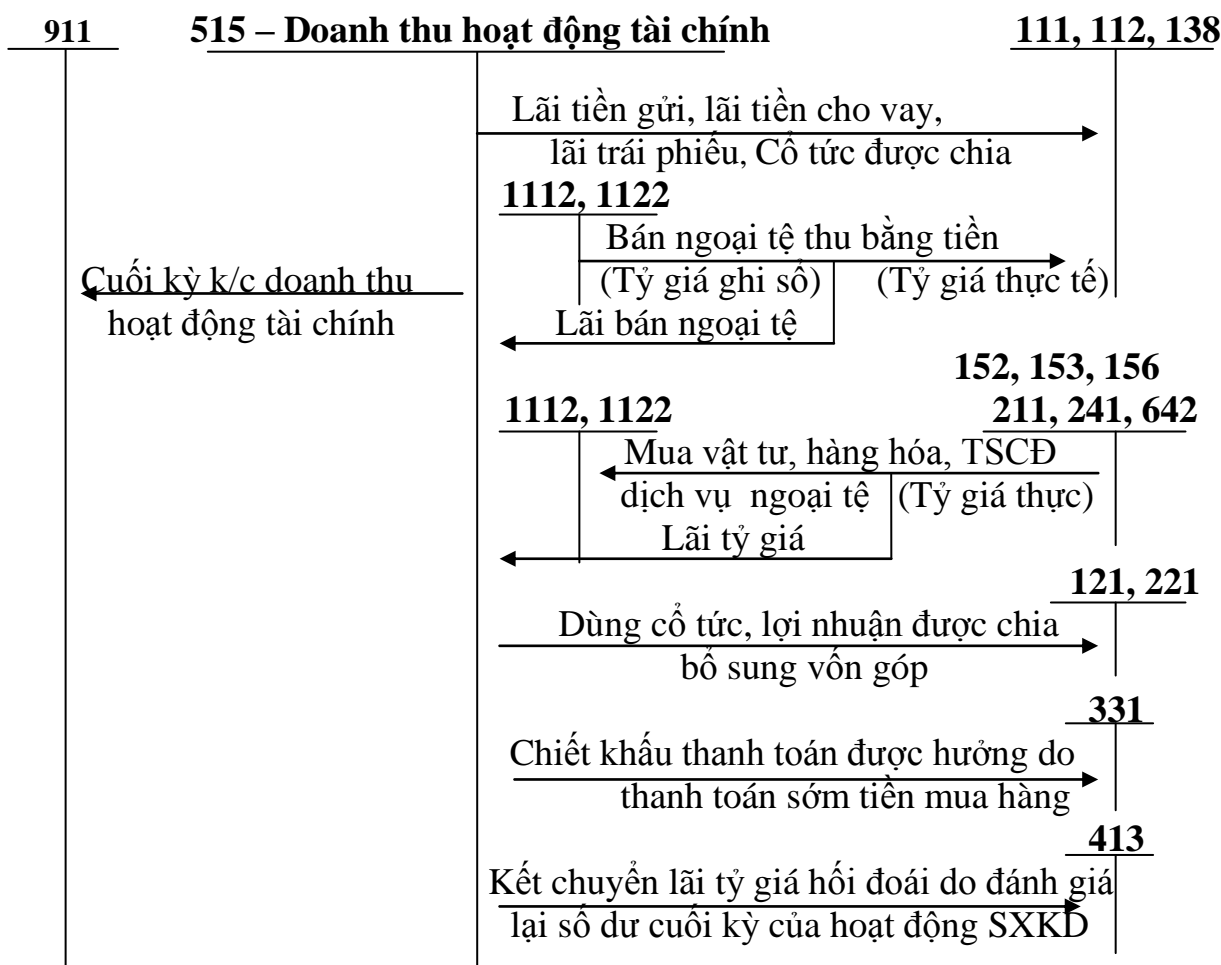
➤ **Kết cấu tài khoản**

Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi - Thu nhập cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản - Chênh lệch do bán ngoại tệ - Thu nhập về hoạt động đầu tư CK
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

Sơ đồ 1.5 :Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.1.4. Tổ chức kế toán thu nhập khác

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu
- Phiếu kế toán

➤ **Tài khoản sử dụng: TK 711 “Thu nhập khác”**

➤ **Kết cấu tài khoản**

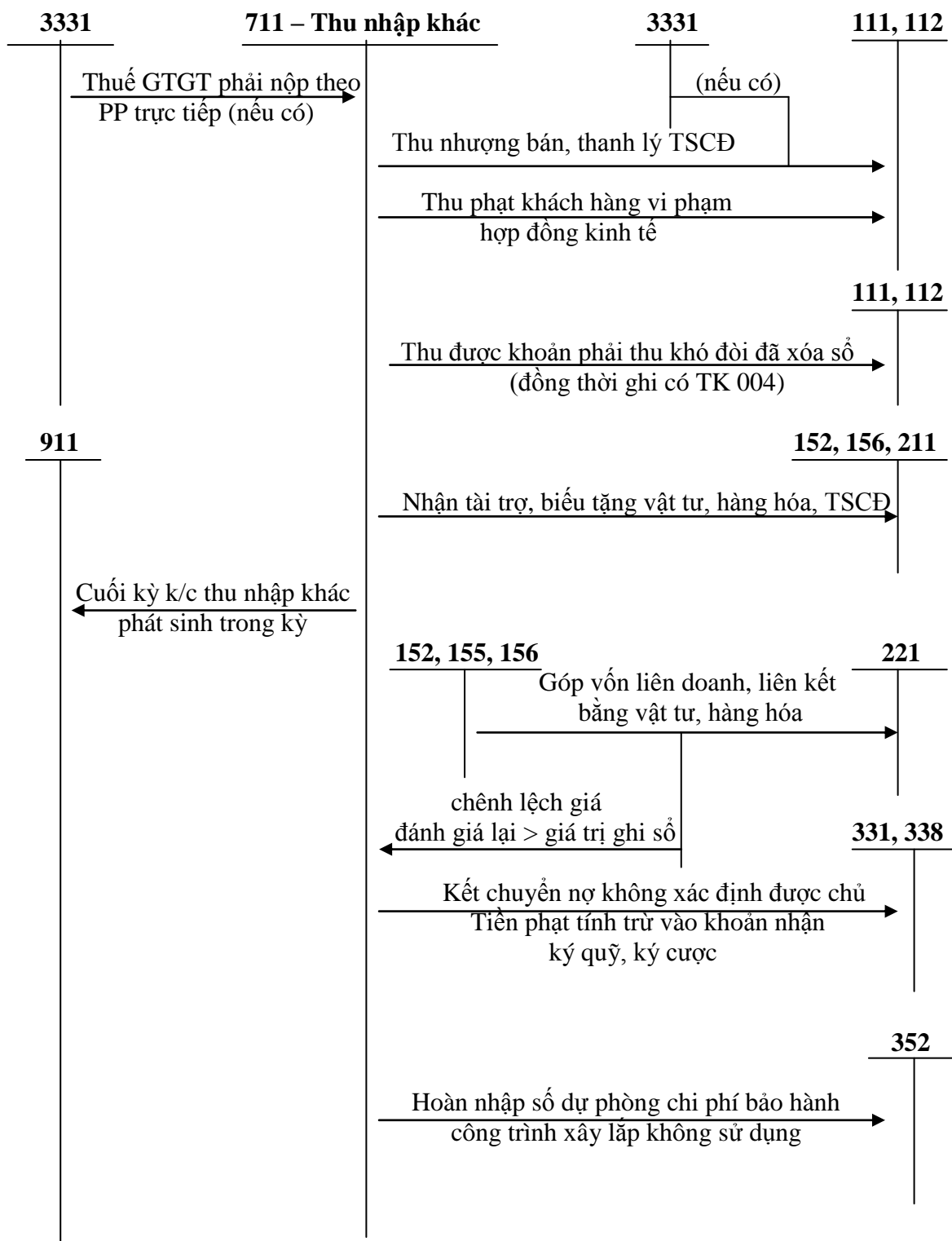
Tài khoản 711 “Thu nhập khác”

<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ - Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ - Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng. Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ - Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhận quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp - Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

➤ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.6: Kế toán thu nhập khác



1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí trong doanh nghiệp

1.2.2.1. Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán

Mỗi khi ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thì đồng thời kế toán phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng đó là giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa bán ra - doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:

Để tính giá trị hàng xuất kho, kế toán có thể áp dụng 1 trong 4 phương pháp tính giá trị hàng xuất kho theo quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02 – “Hàng tồn kho” như sau:

- Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ.
- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)
- Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)
- Phương pháp thực tế đích danh

✓ Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp này thì trị giá thực tế của hàng hóa, thành phẩm xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa, thành phẩm xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền.

$$\text{Trị giá vốn của hàng hoá xuất kho} = \frac{\text{Số lượng hàng hoá xuất kho}}{\text{Số lượng hàng hoá tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hoá nhập kho trong kỳ}} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá của hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế của hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

Phương pháp bình quân liên hoàn

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

✓ Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)

Phương pháp này lô hàng nhập trước sẽ được xuất trước, hàng tồn kho đầu kỳ giả định là xuất kho trước tiên, số hàng hóa sau đó được xuất kho theo đúng thứ tự như chúng được mua vào nhập kho.

✓ **Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)**

Phương pháp này những hàng hóa mua vào sau cùng sẽ được xuất đầu tiên, giá hàng hóa xuất kho sẽ tính theo giá của lô hàng nhập sau cùng.

✓ **Phương pháp thực tế đích danh**

Theo phương pháp này hàng hóa nhập kho theo giá nào thì được xuất kho theo giá đó. Hàng hóa được xác định theo đơn chiếc từng lô và giữ nguyên giá cho đến lúc bán (trừ trường hợp điều chỉnh).

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu nhập kho (mẫu 01- VT)
- Phiếu xuất kho (mẫu 02- VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (mẫu 03- VT)
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT - 3LL)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (mẫu 02- GTTT- LL)
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng: TK 632 “Giá vốn hàng bán”**

➤ **Kết cấu tài khoản**

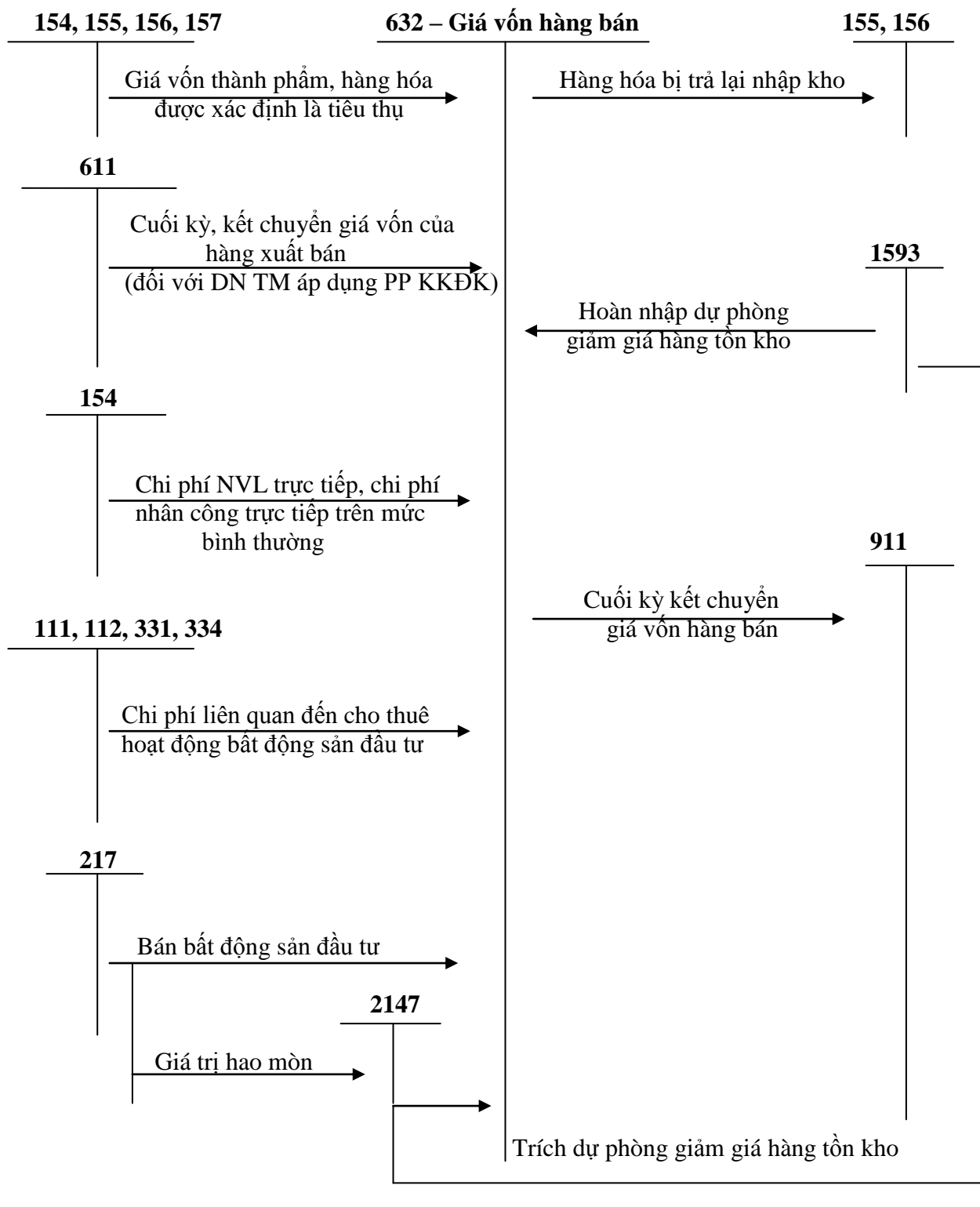
Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”

<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. - Chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn trong kỳ sang TK 911 - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

➤ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.7: Kế toán giá vốn hàng bán



1.2.2.2. Tổ chức kế toán chi phí tài chính

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng: TK 635 “Chi phí tài chính”**

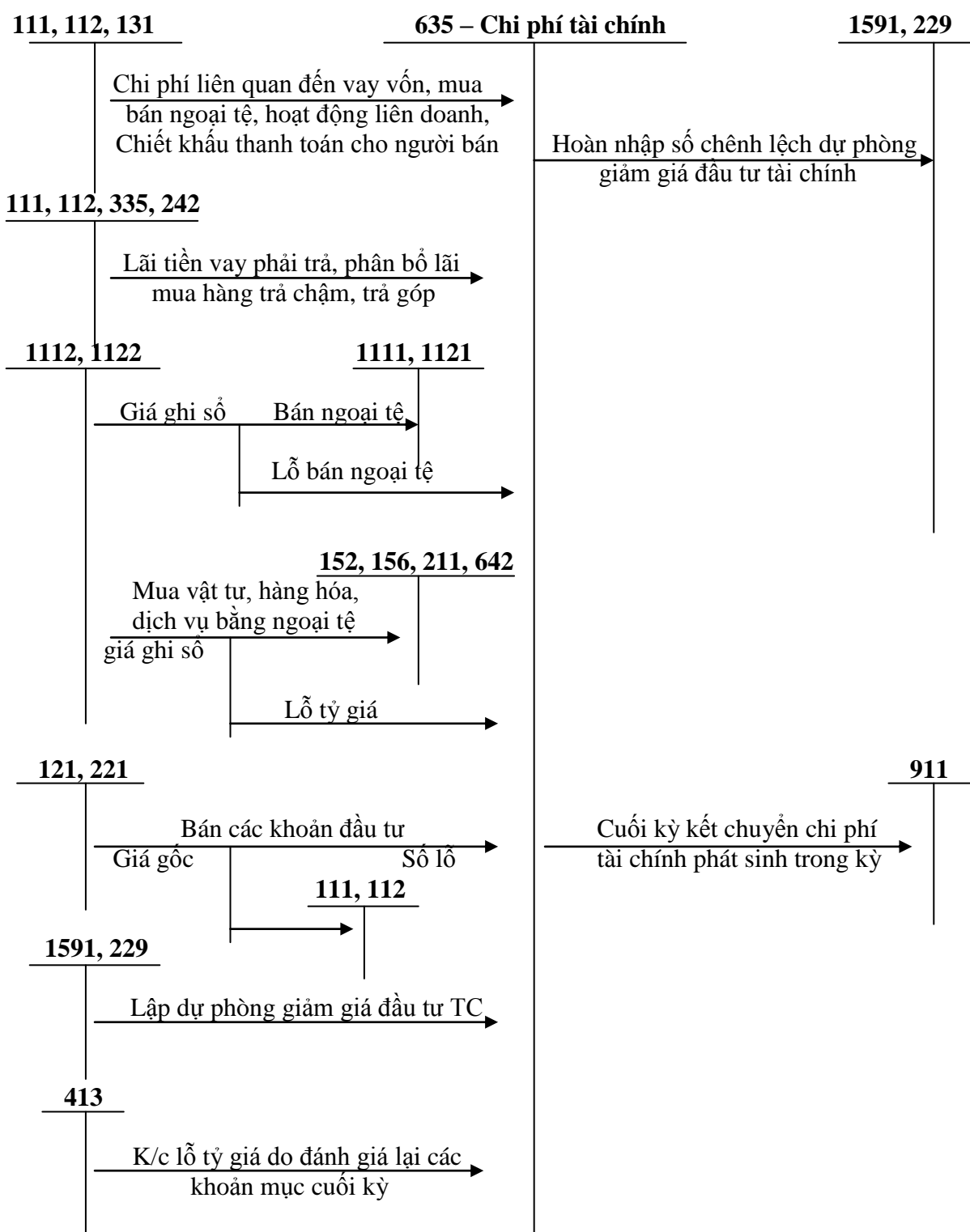
➤ **Kết cấu tài khoản**

Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”

<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí hoạt động tài chính. - Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn. - Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế. - Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ. - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có
<p><i>Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ</i></p>	

➤ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí tài chính



1.2.2.3. Tổ chức kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

✓ **Kế toán chi phí bán hàng:**

Chi phí bán hàng là những khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, lao vụ trong thời kỳ theo quy định của chế độ tài chính

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11-LĐTL);
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định (Mẫu số 06-TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ (Mẫu số 07-VT);
- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTKT-3LL);
- Phiếu chi (Mẫu số 02-TT)
- Giấy báo nợ của ngân hàng;

➤ **Tài khoản sử dụng: TK 641**

Tài khoản 641 không có số dư và gồm có 7 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6411: Chi phí nhân viên;
- Tài khoản 6412: Chi phí vật liệu bao bì;
- Tài khoản 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng;
- Tài khoản 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định;
- Tài khoản 6415: Chi phí bảo hành;
- Tài khoản 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài;
- Tài khoản 6418: Chi phí bằng tiền khác

✓ **Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng: TK 642**

Tài khoản 642 không có số dư và gồm có 8 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421: Chi phí nhân viên quản lý;
- Tài khoản 6422: Chi phí vật liệu quản lý;

- Tài khoản 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng;
- Tài khoản 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định;
- Tài khoản 6425: Thuế, phí và lệ phí;
- Tài khoản 6426: Chi phí dự phòng;
- Tài khoản 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài;
- Tài khoản 6428: Chi phí bằng tiền khác;

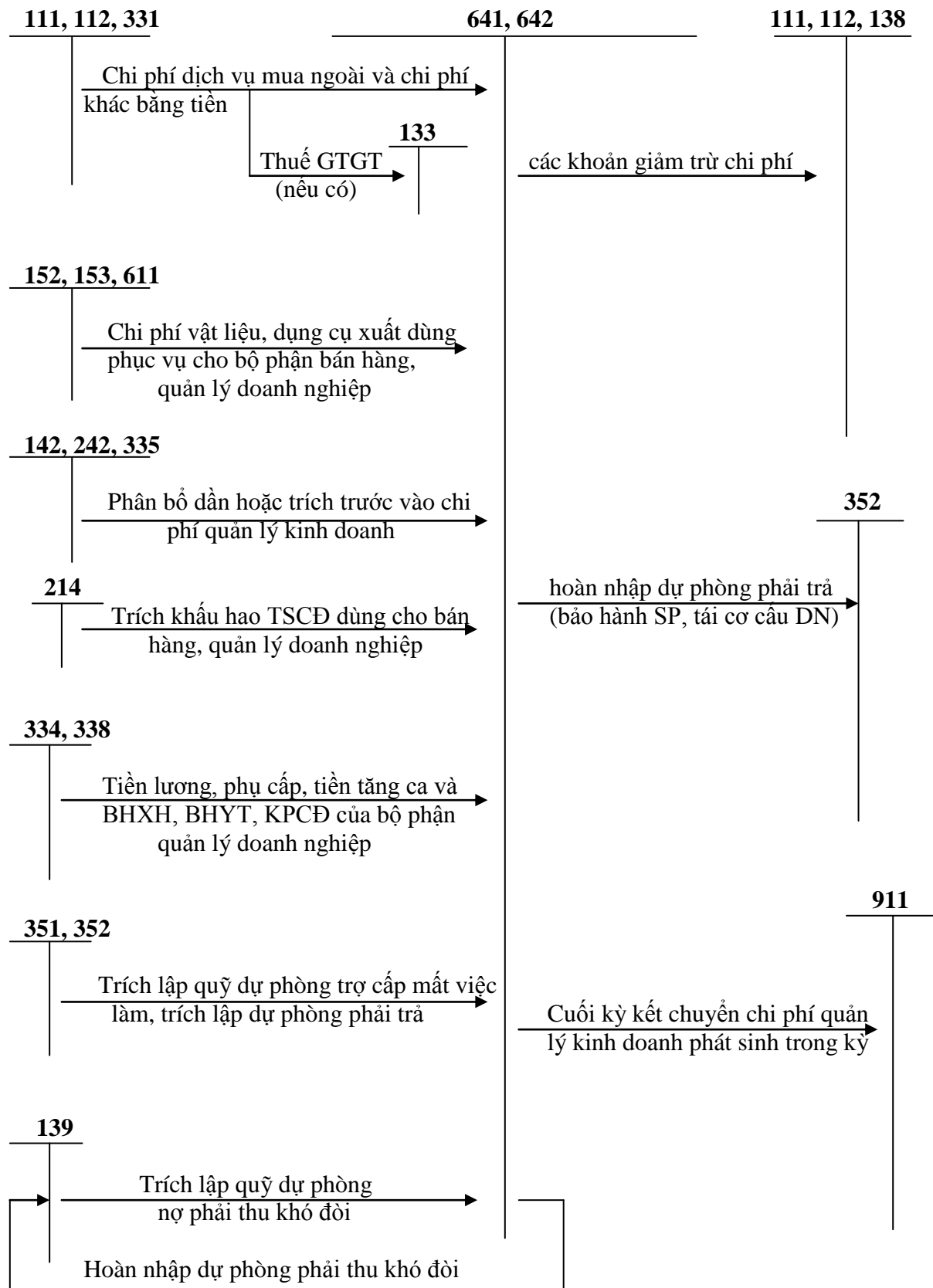
➤ **Kết cấu tài khoản**

Tài khoản 641,642” Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp”

<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Dự phòng trợ cấp mất việc làm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không/có số dư đầu và cuối kỳ

Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.2.4. Tổ chức kế toán chi phí khác

- **Chứng từ sử dụng**
 - Phiếu chi
 - Phiếu kế toán
- **Tài khoản sử dụng: TK 811 “Chi phí khác”**
- **Kết cấu tài khoản**

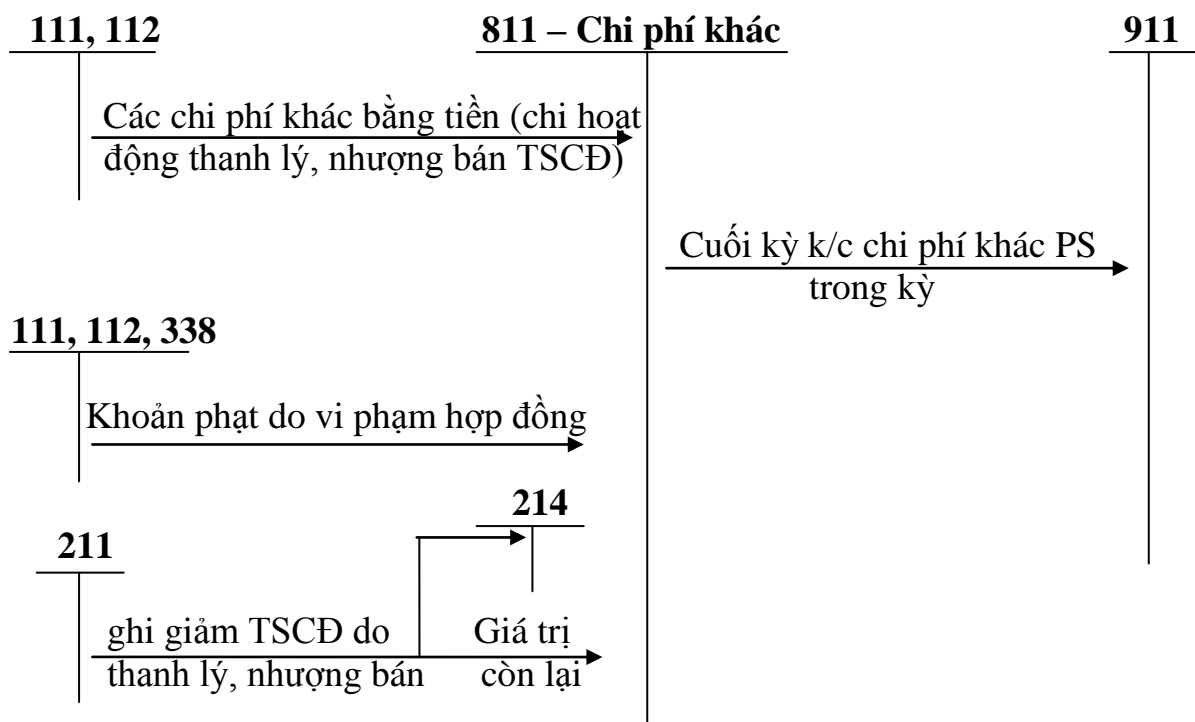
Tài khoản 811 “Chi phí khác”

- Các khoản chi phí khác phát sinh	- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

➤ **Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí khác



1.2.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán
- Chứng từ liên quan khác

➤ **Tài khoản sử dụng**

- TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
- TK 821 “Chi phí thuế TNDN”
- TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối”
- Các tài khoản khác có liên quan

➤ **Kết cấu tài khoản**

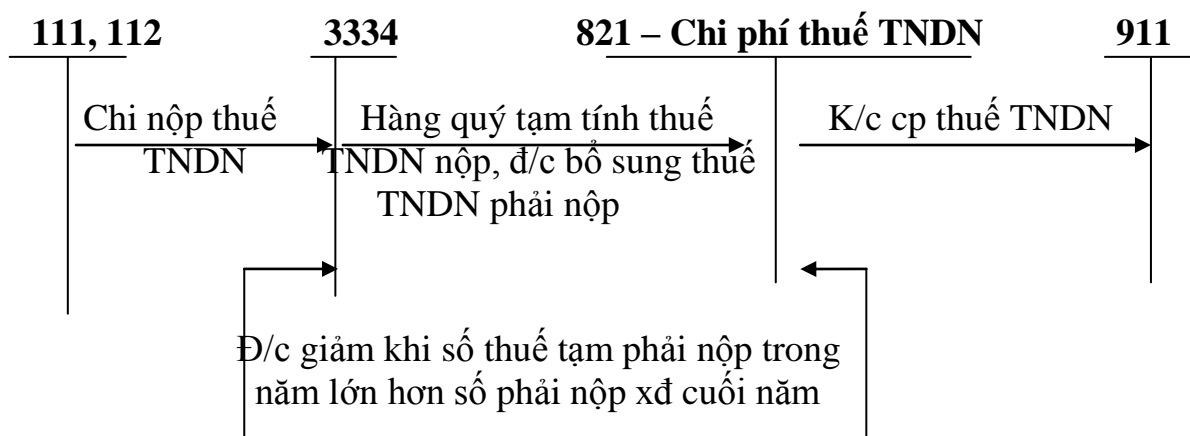
Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

<ul style="list-style-type: none"> - Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư đã bán và dịch vụ đã cung cấp. - Chi phí hoạt động tài chính. - Chi phí khác. - Chi phí quản lý kinh doanh. - Chi phí thuế TNDN - Kết chuyển lãi 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính. - Thu nhập khác. - Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN - Kết chuyển lỗ
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

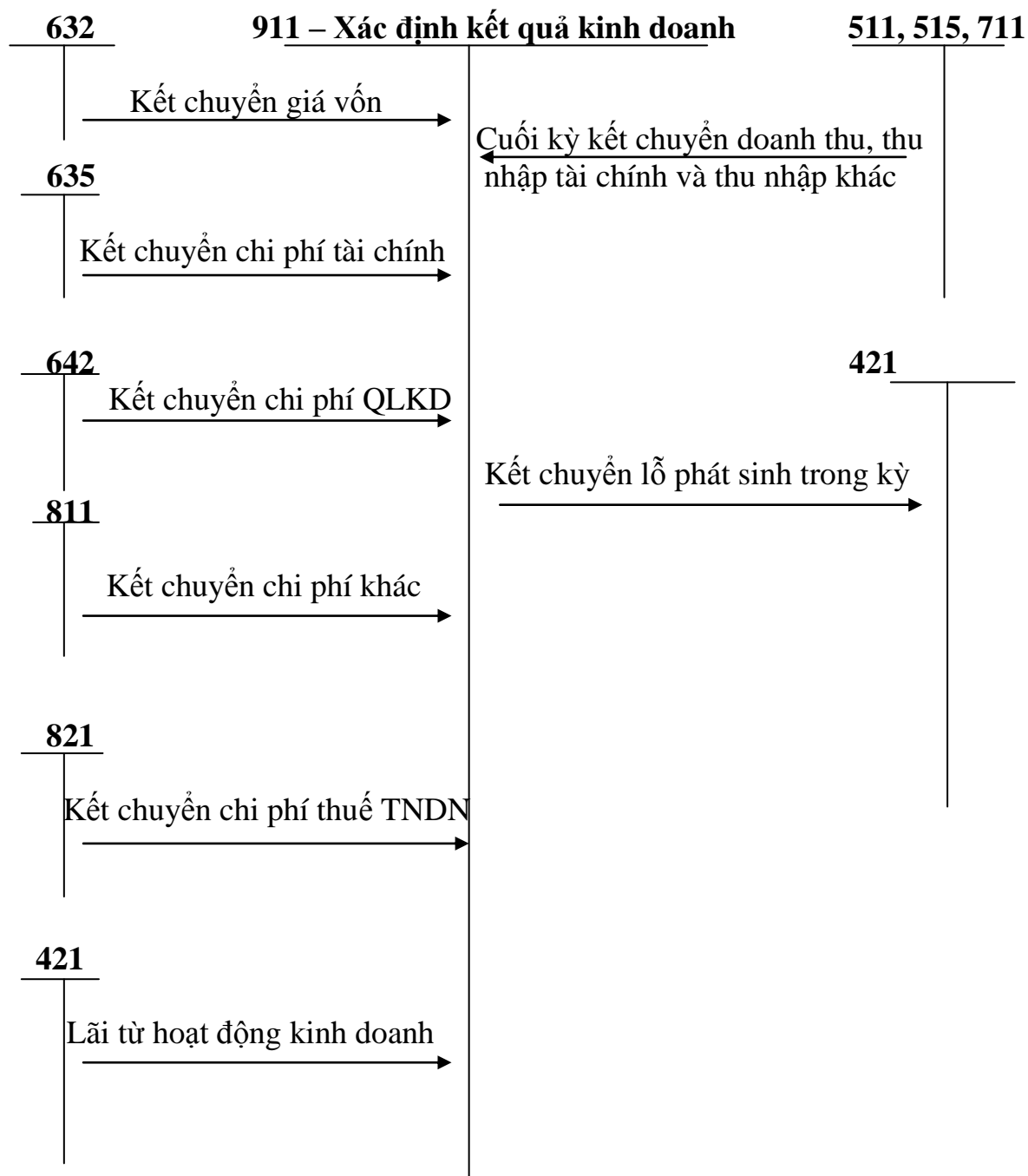
Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

➤ **Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp



Sơ đồ 1.12: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



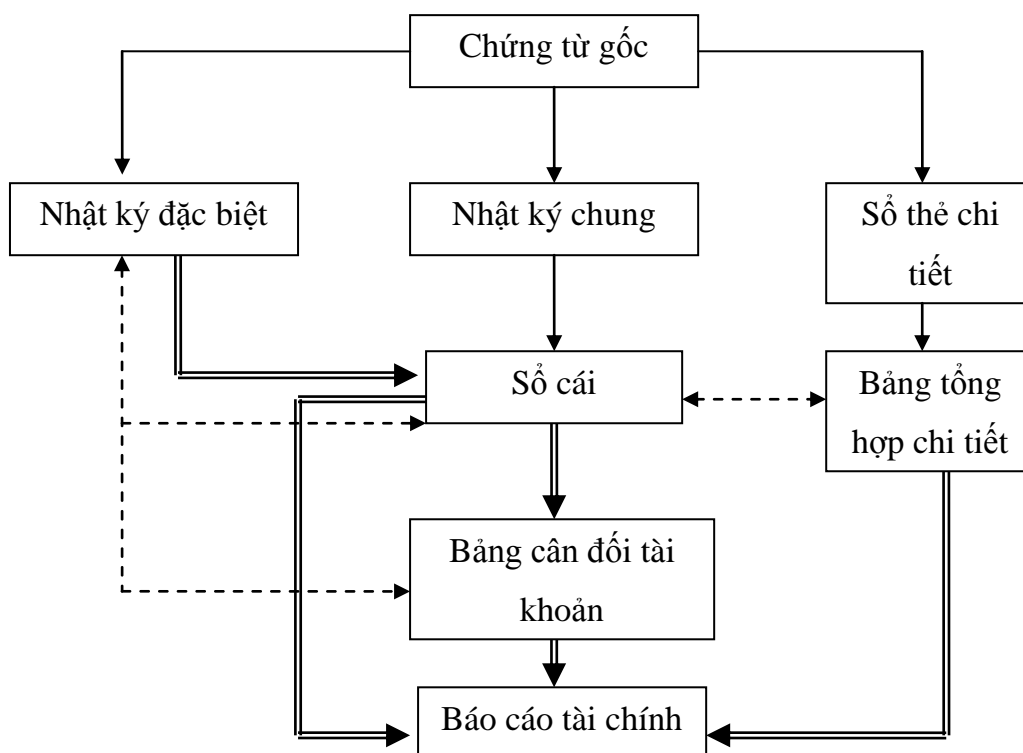
1.3. Tổ chức luân chuyển chứng từ, sổ sách trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Các loại sổ: Sổ Nhật ký chung; sổ Nhật ký đặc biệt; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết...

➤ **Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**



Ghi chú:

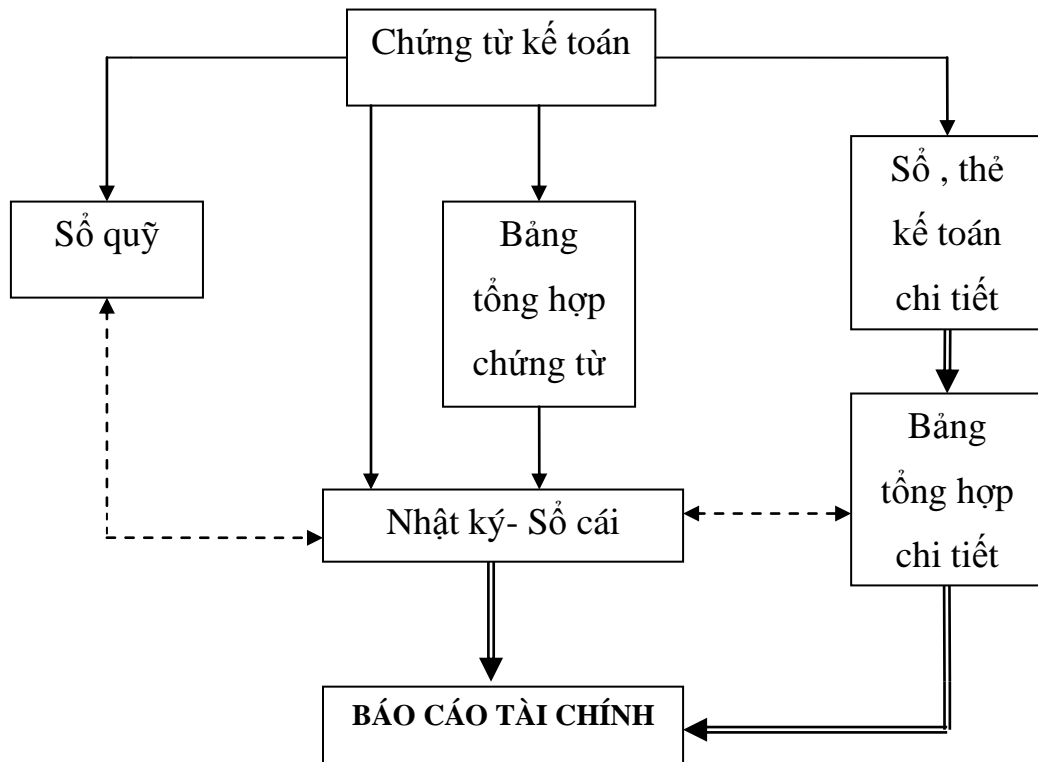
- ← - - - → : Kiểm tra đối chiếu
- : Ghi hàng ngày
- ==> : Ghi cuối tháng

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng chứng từ kế toán cùng loại.

Các loại sổ: Nhật ký - Sổ cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

➤ **Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái**



Ghi chú:

- Kiểm tra đối chiếu ← - - - - →
- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng = = = = = →

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

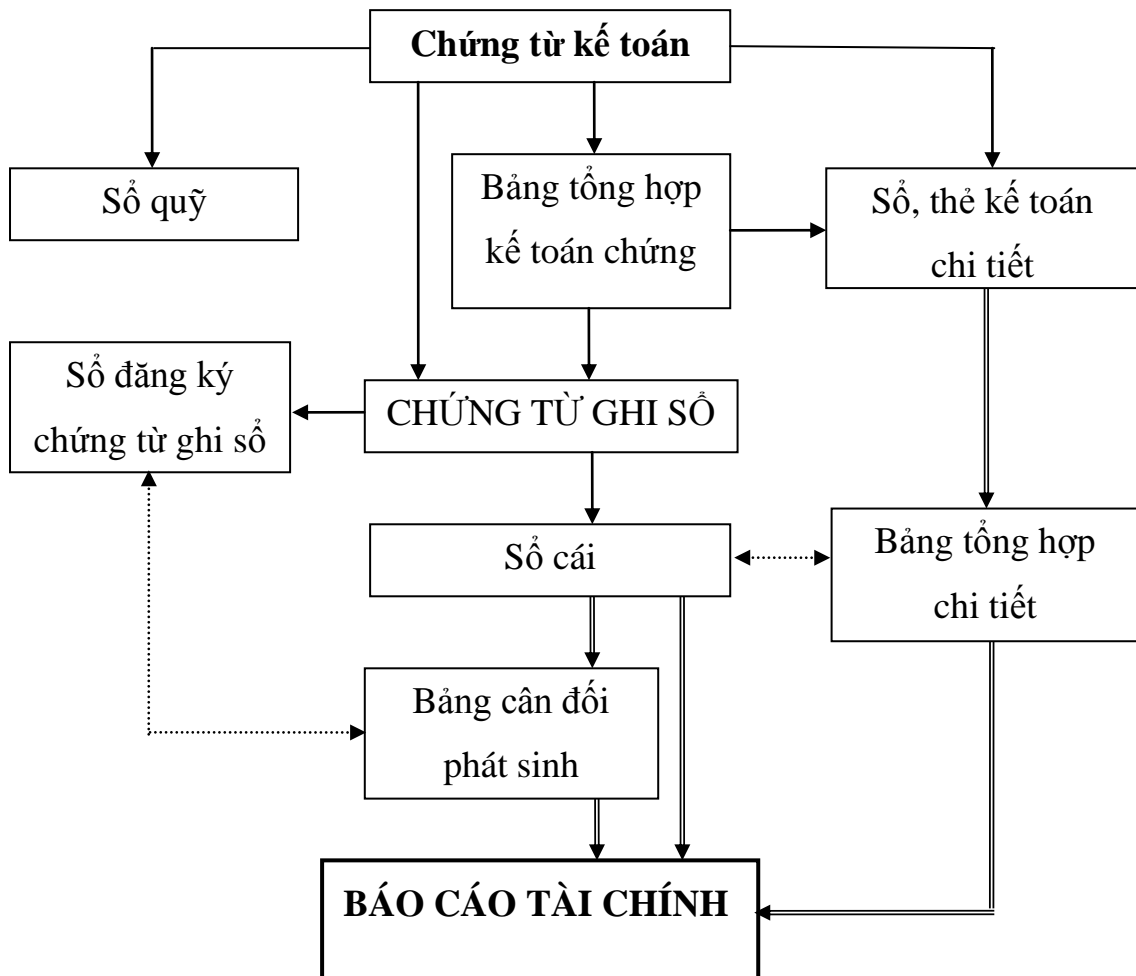
- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Các sổ kế toán: Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ; Sổ Cái; các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

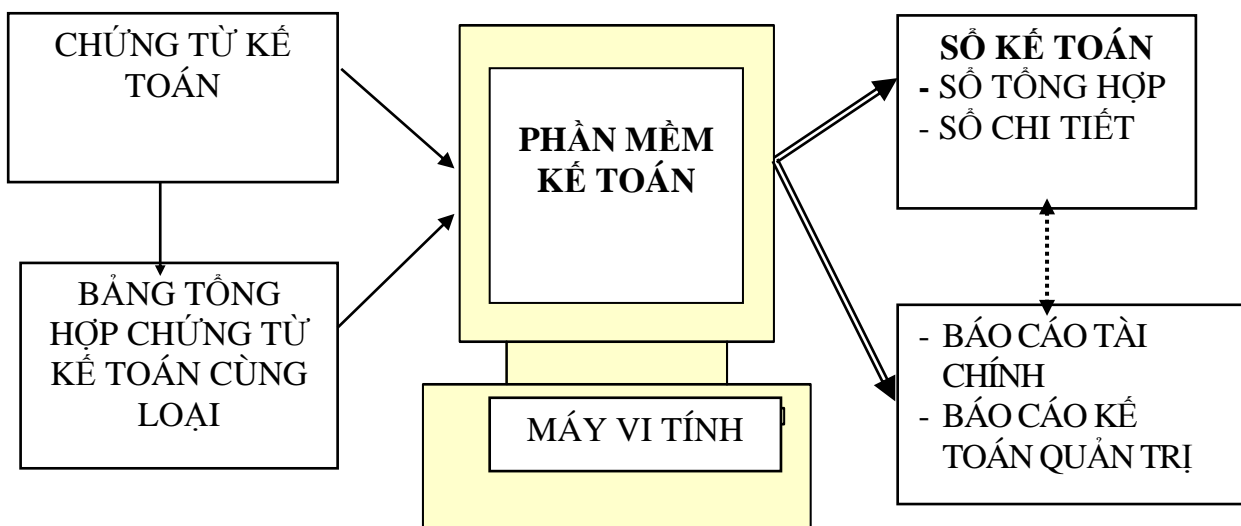
- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

1.3.4. Hình thức kế toán máy

Đặc trưng cơ bản: Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức trên máy vi tính



Ghi chú :

- Nhập số liệu hàng ngày. →
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm. ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

CHƯƠNG 2:**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG
TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG QUẢNG NINH****2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh****2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh****➤ Giới thiệu về công ty**

- Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh.
- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh
- Tên giao dịch quốc tế: Quang ninh seeds. Corporation
- Tên viết tắt: Q.S.C
- Địa chỉ: Hưng Đạo – Đông Triều – Quảng Ninh
- Điện thoại: 033.3870066 Fax: 033.3670145
- Mã số thuế: 5700479267
- Số tài khoản: 8003211010024 tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn AGRIBANK

➤ Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh tiền thân là Trại giống lúa cấp I Đông Triều, thành lập ngày 18/8/1975, theo quyết định số 770/QĐ của ủy ban hành chính tỉnh Quảng Ninh, ty nông nghiệp Quảng Ninh là Sở chủ quản.

Sau 4 lần đổi tên, công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh được thành lập theo quyết định số 4646/QĐ-UB ngày 17/12/2003 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty

Công ty được cấp sổ đăng ký kinh doanh số 1112098 ngày 25/8/1997 của sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh, lĩnh vực kinh doanh: “Sản xuất kinh doanh giống cây trồng các loại”.

Với mục tiêu thành lập công ty có nhiệm vụ:

1. Sản xuất, kinh doanh, xuất, nhập các loại giống cây trồng.
2. Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, các dự án giống cây trồng, các chính sách trợ giá, trợ cước về giống cây trồng và dự phòng thóc giống.
3. Kinh doanh các loại vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp
4. Chế biến và tiêu thụ các loại nông sản.

2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn và thành tích của công ty

2.1.3.1. Thuận lợi

Qua tìm hiểu Công ty cho thấy Công ty có nhiều thuận lợi giúp cho doanh nghiệp phát triển nhanh và mạnh hoạt động kinh doanh của mình. Cụ thể Công ty có những thuận lợi như sau:

Thứ nhất, về địa điểm hoạt động: Công ty có trụ sở hoạt động kinh doanh nằm giữa 3 khu vực kinh tế lớn là Hà Nội, Hải Phòng và Hải Dương. Đây là tuyến đường giao thông thuận lợi cho Công ty. Mặt khác, cũng là nơi tập trung dân cư đông đúc với ngành nghề chính là trồng trọt đã giúp doanh nghiệp phát triển mạnh và chủ yếu kinh doanh giống cây trồng cho bà con nông dân.

Thứ hai, về bộ máy tổ chức quản lý: Bộ máy tổ chức quản lý của Công ty rất gọn nhẹ, đơn giản giảm bớt được chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả cao.

Thứ ba, về thái độ làm việc của cán bộ công nhân viên: Cán bộ công nhân viên trong Công ty rất tận tình và chu đáo đã tạo được sự tin tưởng của khách hàng, hứa hẹn một sự phát triển bền vững trong tương lai...

Bên cạnh những thuận lợi trên là tiền đề cho sự phát triển của doanh nghiệp, nó tác động tích cực cho quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty thì Công ty cũng gặp không ít khó khăn gây trở ngại cho hoạt động của Công ty.

2.1.3.2. Khó khăn

Công ty đã vấp phải một khó khăn mà hầu hết công ty nào cũng gặp phải, đó là vấn đề về vốn. Điều này, khiến cho việc kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong vấn đề sử dụng vốn sao cho hợp lý. Công ty là một doanh nghiệp kinh doanh đa dạng các loại hàng hoá, chủ yếu vẫn là kinh doanh giống cây trồng cho bà con nông dân trong tỉnh và các tỉnh lân cận do đó nhu cầu sử dụng vốn là rất lớn. Bên cạnh đó công ty còn sử dụng nguồn vốn tín dụng như vay ngân hàng, vay của các tổ chức tín dụng khác với lượng vốn khá lớn.

Ngành nghề công ty là giống cây trồng phụ thuộc rất lớn vào tính chất mùa vụ nên khi cần lại không đáp ứng đủ vì số lượng tiêu thụ quá lớn và khi hết mùa vụ thì lại có nhiều dẫn đến tồn đọng hàng trong kho dẫn đến ứ đọng vốn. Nguồn lực nhân viên của công ty là rất trẻ, trình độ học vấn không cao, kinh nghiệm công tác chưa nhiều ảnh hưởng đến chất lượng công việc trong hoạt động kinh doanh của công ty.

2.1.3.3. Thành tích của công ty

Qua nhiều năm hoạt động công ty đã khẳng định vị thế của mình trên thị trường. Công ty đứng đầu trong việc cung cấp các sản phẩm giống cây trồng

phục vụ bà con nông dân trong toàn tỉnh Quảng Ninh. Kết quả đạt được trong những năm 2012, 2013 như sau:

- Về lao động: Công ty đã tuyển chọn được đội ngũ có trình độ học vấn cao vào làm công tác quản lý giúp Công ty ngày càng phát triển hơn.
- Về biến động của tài sản và nguồn vốn tại công ty: (ĐVT: VNĐ):

Bảng: Tình hình biến động của tài sản và nguồn vốn năm 2012, 2013

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
TÀI SẢN		
A. Tài sản ngắn hạn	5.396.504.020	12.153.850.720
B. Tài sản dài hạn	2.912.428.074	3.268.694.094
Tổng cộng Tài sản	8.308.932.094	15.422.544.814
NGUỒN VỐN		
A. Nợ phải trả	4.060.608.544	10.390.857.344
B. Vốn chủ sở hữu	4.248.323.550	5.031.687.470
Tổng cộng nguồn vốn	8.308.932.094	15.422.544.814

Nhìn vào bảng trên ta thấy: Tổng tài sản và tổng nguồn vốn của Công ty có xu hướng tăng, điều này chứng tỏ cơ sở vật chất của công ty đã được tăng cường, quy mô và năng lực kinh doanh được mở rộng, sự gia tăng này chắc chắn sẽ tạo ra nguồn lợi tức lớn trong dài hạn của công ty.

- Về sự biến động trong doanh thu: (ĐVT: VNĐ)

Bảng: Tình hình biến động về lợi nhuận trong các năm 2012, 2013

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Doanh thu thuần	26.912.623.800	25.990.822.200
Lợi nhuận sau thuế	152.521.108	162.732.350

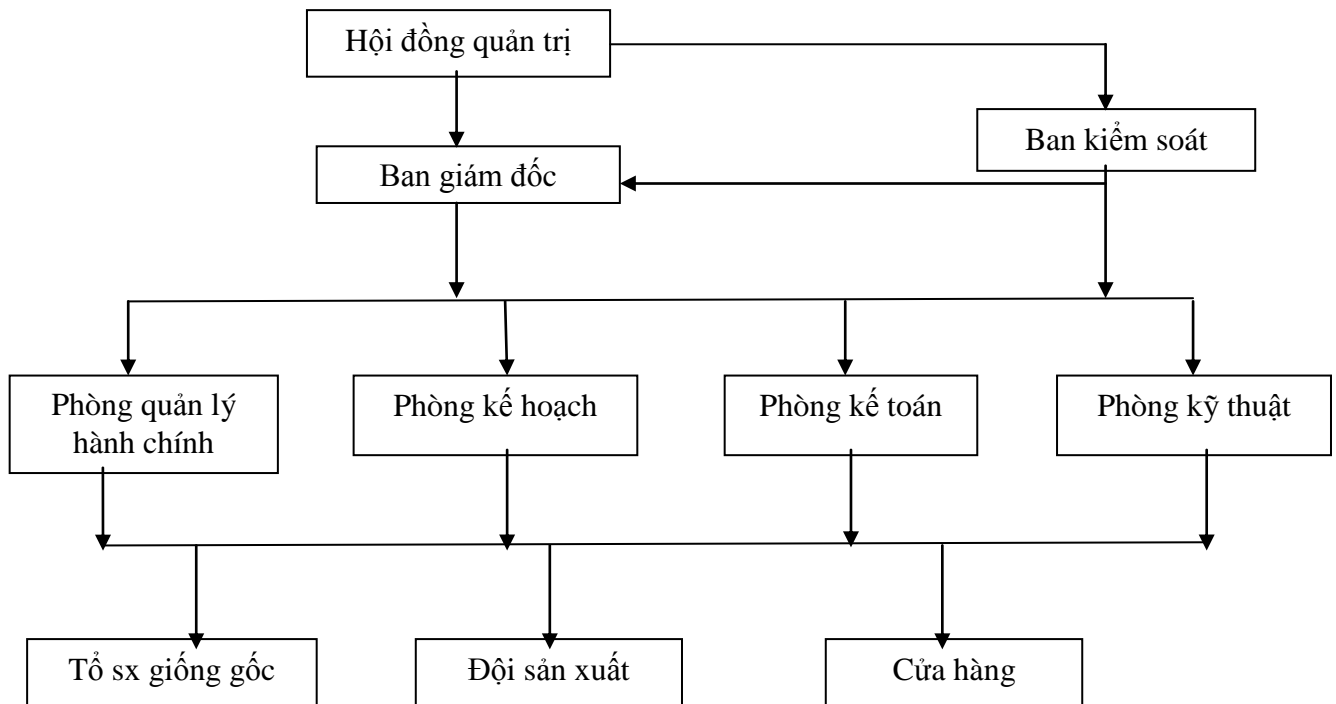
Nhìn vào bảng trên ta thấy lợi nhuận của công ty đạt được tương đối ổn định. Năm 2013 lợi nhuận của công ty tăng 10.211.242 đồng so với năm 2012 tương ứng với 6.7 %. Điều này chứng tỏ rằng công ty kinh doanh có hiệu quả, công ty cần phát huy trong những năm tới.

2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Là một công ty Cổ phần hoạt động kinh doanh với sự cạnh tranh gay gắt nhưng Công ty đã tự khẳng định được mình bằng chất lượng sản phẩm và uy tín của mình trên thị trường, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đã tăng lên. Công ty trở thành một trong những đơn vị tiên tiến dẫn đầu ngành nông nghiệp trong lĩnh vực SXKD. Có được điều đó một phần là do công ty có

phương pháp, cách tổ chức quản lý kinh tế và quản lý sản xuất có hiệu quả.

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty



➤ **Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận như sau:**

- **Hội đồng quản trị:** Là do đại hội cổ đông bầu ra để điều hành và quản lý các hoạt động của Công ty. Là người đại diện theo pháp luật của Công ty và có thẩm quyền cao nhất để tiến hành quản lý mọi hoạt động của Công ty.
- **Ban Kiểm soát:** Do đại hội cổ đông bầu ra để kiểm soát mọi hoạt động SXKD của công ty. Ban kiểm soát gồm 3 thành viên: 1 trưởng ban kiểm soát, và 2 ủy viên.
- **Ban Giám Đốc** gồm 2 thành viên: 1 giám đốc và 1 phó giám đốc.
 - + Giám Đốc là người được hội đồng quản trị bổ nhiệm, giám đốc điều hành của mọi hoạt động của công ty, tuân thủ điều lệ của Công ty và nghị quyết của hội đồng quản trị (Tại công ty giám đốc cũng chính là chủ tịch hội đồng quản trị)
 - + Phó giám đốc: là người giúp việc cho giám đốc, được giám đốc phân công phụ trách kỹ thuật và quản lý hành chính.
- **Phòng quản lý hành chính :**
 - + Chức năng: Tham mưu, tư vấn giúp việc giám đốc về quản lý tổ chức bộ máy, thực hiện chính sách, chế độ quy định của nhà nước đối với người lao động.
 - + Nhiệm vụ:
 - Quản lý nhân sự và tổ chức bộ máy cán bộ nhân viên.
 - Công tác lao động: Tiền lương và hướng dẫn chấp hành thực hiện các chế độ,

chính sách của nhà nước đối với người lao động.

- Thi đua khen thưởng và kỷ luật.
- Công tác: Hành chính, quản trị, văn thư, đánh máy, tạp vụ.

- **Phòng kế hoạch:**

+ Chức năng:

Tham mưu, giúp việc giám đốc và công tác kế hoạch sản xuất hoạt động SXKD.

+ Nhiệm vụ :

- Xây dựng kế hoạch SXKD cho công ty, lập các văn bản ký kết hợp đồng, tổng hợp các báo cáo kết quả sản xuất của công ty theo định kỳ.
- Giao kế hoạch sản xuất, giá thành, kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Tổ dịch vụ bán hàng đại lý, các cửa hàng.

- **Phòng kỹ thuật:**

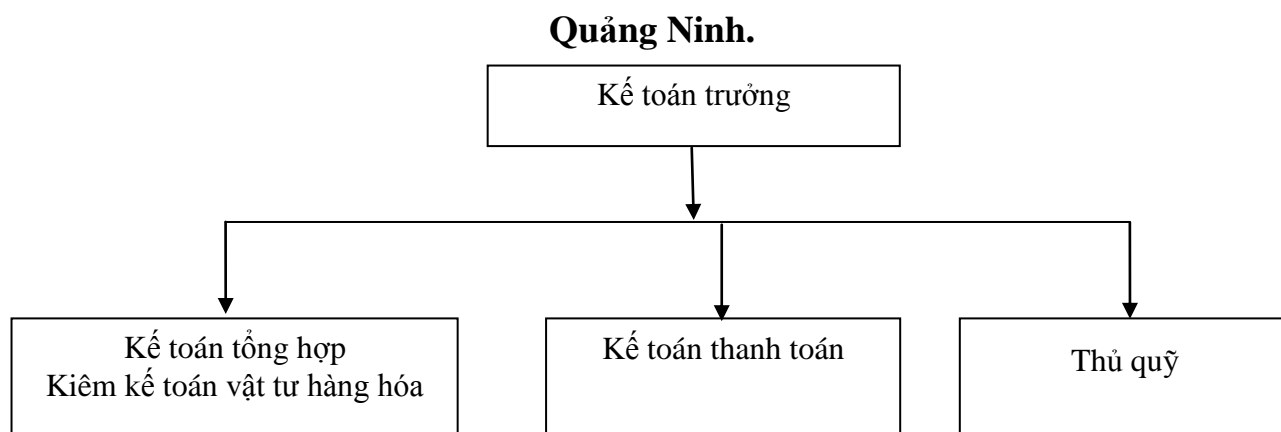
- Kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm nhập kho và xuất kho
- Kiểm tra giám sát kỹ thuật gieo trồng theo quy định.
- **Tổ sản xuất giống:** Làm nhiệm vụ thực hiện nghiên cứu, khảo nghiệm các giống cây trồng mới, sản xuất giống gốc trong công ty.
- **Đội sản xuất:** Sản xuất các loại giống phục vụ cho nhu cầu bà con nông dân.
- **Cửa hàng:** Nhiệm vụ giới thiệu và tiêu thụ một phần sản phẩm của công ty.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh.

2.1.5.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh là một đơn vị hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ, có hệ thống sổ sách kế toán riêng và mở tài khoản tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Đông Triều.

➤ **Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty CP giống cây trồng**



Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy kế toán:

- Làm công tác kế toán lập chứng từ, ghi sổ và lập báo cáo tài chính.
- Làm nhiệm vụ kế toán thống kê, xây dựng kế hoạch tài chính, nhằm đảm bảo vốn cho hoạt động SXKD của doanh nghiệp.
- Kiểm tra, hướng dẫn và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh
- Theo dõi tình hình tài sản, các khoản phải thanh toán.
- Hạch toán chi phí, giá thành sản phẩm.
- Cùng các bộ phận chức năng khác soạn thảo kế hoạch sản xuất, kế hoạch trợ giá, trợ cước, ..., tài chính cho hoạt động phát triển của công ty.
- Thông qua các tài liệu ghi chép tiến hành phân tích, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch, tình hình sử dụng vốn, bảo toàn vốn. Tính toán chi phí về giá thành, hiệu quả SXKD, thực hiện nghĩa vụ ngân sách và công tác thanh toán. Từ tình hình thực tế của công ty và yêu cầu quản lý trình độ đội ngũ cán bộ, biên chế nhân sự của phòng kế toán tài vụ gồm 4 người được tổ chức như sau:

+ Kế toán trưởng (1 người):

Giúp giám đốc công ty tổ chức bộ máy kế toán của Doanh nghiệp mình, chỉ đạo hạch toán kế toán toàn công ty theo pháp lệnh kế toán thống kê của nhà nước. Định kỳ lập các kế hoạch tài chính, kế hoạch vốn lưu động, đảm bảo đủ vốn cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và tiêu thụ sản phẩm để thu hồi vốn nhanh cho công ty, đồng thời làm các báo cáo quyết toán.

+ Kế toán tổng hợp kiêm kế toán vật tư hàng hóa (1 người):

Có nhiệm vụ nhận các chứng từ gốc của kế toán chi tiết, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ vào sổ kế toán, sổ tài khoản, sổ chi tiết tài khoản theo các đối tượng, theo yêu cầu quản lý và lên các hệ thống báo cáo tài chính.

+ Kế toán thanh toán (1 người):

Có nhiệm vụ lập phiếu thu, phiếu chi theo lệnh, quản lý quỹ tiền mặt, tính toán phân bổ chính xác chi phí nhân công, trích BHXH, BHYT, KPCĐ cho các đối tượng sử dụng liên quan. Thanh toán lương, đồng thời thu hồi vốn, theo dõi tình hình tăng giảm tài sản cố định, trích và phân bổ tài sản cố định.

+ Thủ quỹ (1 người):

Có nhiệm vụ xuất, nhập quỹ tiền mặt theo phiếu thu phiếu chi đã được phê duyệt, quản lý, bảo quản tiền mặt. Lập sổ quỹ và báo cáo quỹ hàng ngày, ghi chép liên tục các khoản thu chi quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm. Chịu trách nhiệm về số tồn quỹ trên sổ và số tồn quỹ thực tế.

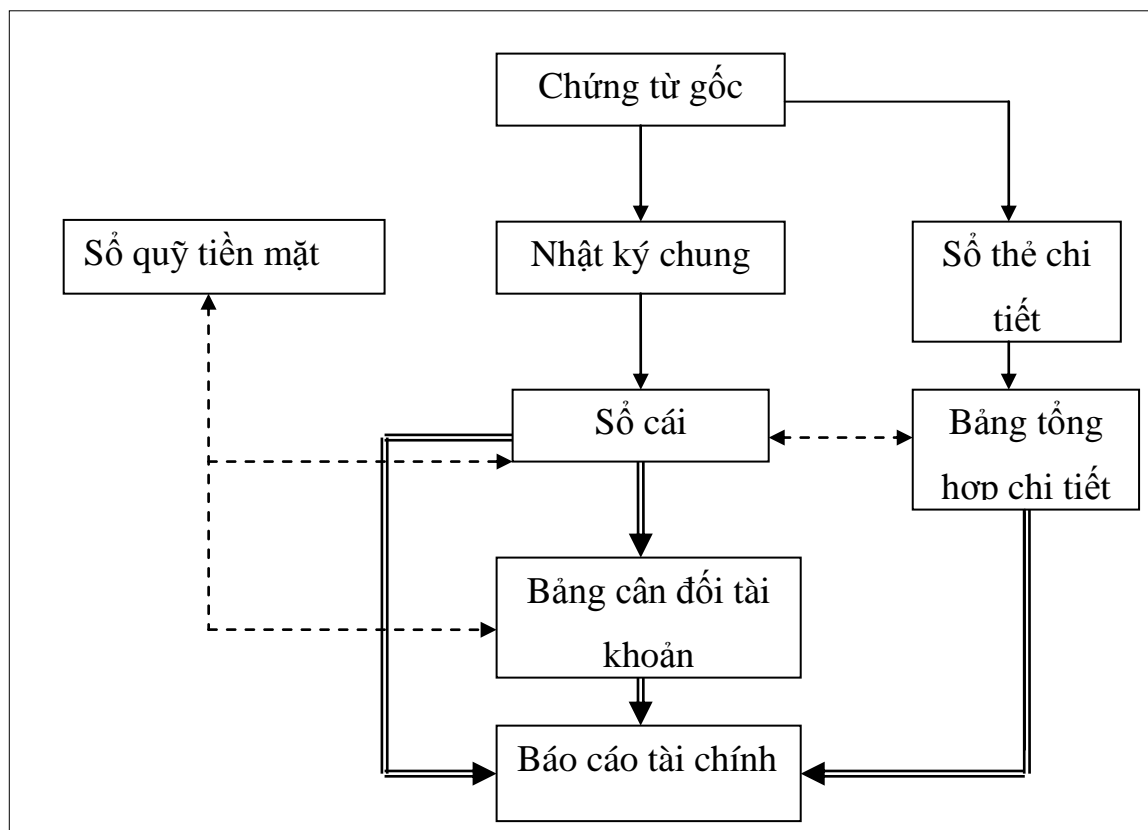
➤ **Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán tại doanh nghiệp:**

- Chế độ kế toán áp dụng tại công ty:
- + Công ty Cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- + Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- + Đơn vị tiền sử dụng ghi chép kế toán là VNĐ
- Phương pháp hạch toán Tài sản cố định:
- + Nguyên tắc đánh giá TSCĐ: theo nguyên giá
- + Khấu hao TSCĐ: phương pháp khấu hao theo đường thẳng
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.

➤ **Hình thức kế toán mà đơn vị đang áp dụng.**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Sơ đồ 2.3: Quy trình luân chuyển chứng từ theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú: —————> Kiểm tra đối chiếu
 <-----> Ghi hàng ngày
 ==> Ghi cuối tháng

➤ **Chứng từ công ty sử dụng**

Công ty sử dụng hai loại mẫu chứng từ là chứng từ bắt buộc và chứng từ hướng dẫn. Danh mục các loại chứng từ mà công ty sử dụng gồm có:

- **Các loại chứng từ bắt buộc:**

- + Phiếu thu 01-TT
- + Phiếu chi 02-TT
- + Hóa đơn bán hàng
- + Phiếu xuất kho
- + Biên bản bàn giao tài sản cố định: 01-TSCĐ.

- **Các loại chứng từ không bắt buộc:**

- + Bảng chấm công : 01a-LĐTL
- + Bảng thanh toán tiền lương: 02-LĐTL
- + Biên bản kiểm kê vật tư: 03-VT
- + Giấy đề nghị tạm ứng: 03-TT

➤ **Các loại sổ công ty sử dụng:**

- Sổ kế toán tổng hợp gồm: Sổ nhật ký, sổ cái.
- Sổ kế toán chi tiết gồm: Sổ, thẻ kế toán chi tiết.

➤ **Các loại báo cáo kế toán:**

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DN)
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B03-DN)
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (Mẫu B09-DN)

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh

2.2.1. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ

➤ **Phương thức bán hàng tại công ty**

- Phương thức bán hàng trực tiếp
- Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng

➤ **Hình thức thanh toán**

- Thanh toán ngay:
- + Chuyển khoản
- + Tiền mặt
- Thanh toán chậm: Bán chịu (Điều này phụ thuộc vào hợp đồng 2 bên)

➤ **Tài khoản sử dụng**

- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- Các TK liên quan khác: TK 111, 112, 131, ...

➤ **Chứng từ sử dụng**

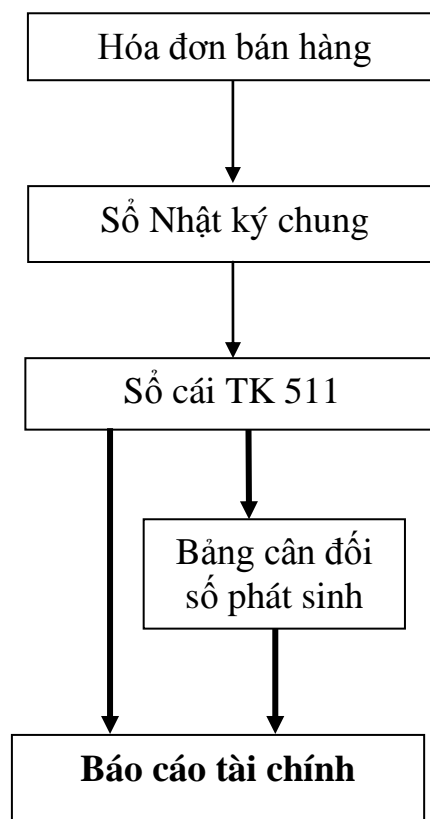
- Hóa đơn bán hàng
- + Liên 1 (màu tím): được lưu lại quyền hóa đơn
- + Liên 2 (màu đỏ): giao cho khách hàng
- + Liên 3 (màu xanh): luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán
- Phiếu xuất kho, Lệnh xuất kho
- Bảng kê hóa đơn thực xuất; Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ
- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu thu, Phiếu kế toán, Giấy báo có, ...

➤ **Sổ sách sử dụng**

- Sổ cái TK 511, TK 632
- Bảng tổng hợp chi tiết TK 131

➤ **Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi định kỳ



- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các TK 511,...
- Cuối quý, năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, đồng thời lập Báo cáo tài chính.

➤ **Ví dụ 1:** Ngày 03/12/2013 Bán thóc giống kang dân 18 siêu nguyên chủng cho bà Đặng Thị Cúc chưa thanh toán, tổng số tiền là 12.000.000đồng. Theo HĐ số 0000946.

Sau khi viết hoá đơn và có đầy đủ chữ ký của các bên có liên quan
Từ nghiệp vụ trên kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 131: 12.000.000

Có TK 511: 12.000.000

Kế toán phản ánh số liệu vào sổ nhật ký chung (Biểu mẫu số 2.2). Sau đó từ Nhật ký chung ghi sổ cái TK 511(biểu mẫu số 2.3).

Biểu mẫu số 2.1: Hóa đơn bán hàng

HOÁ ĐƠN BÁN HÀNG
Liên 3 (Nội bộ)
Ngày 03 tháng 12 năm 2013

Mẫu số: 02GTTT/001
Ký hiệu: AA/13P
Số: **0000946**

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh Địa chỉ: Hưng Đạo - Đông Triều - Quảng Ninh Mã số thuế: 5700479267 Điện thoại: 033.3870066 Số tài khoản: 800 3211 010024 Ngân hàng: Nông nghiệp và phát triển nông thôn					
Họ tên người mua hàng: Đặng Thị Cúc Tên đơn vị: Địa chỉ: Nguyễn Trãi – Sao Đỏ - Chí Linh – Hải Dương Số tài khoản: Ngân hàng: Hình thức thanh toán: chưa thanh toán Mã số thuế:					
TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Khang dân 18 siêu nguyên chủng	Kg	600	20.000	12.000.000
Cộng tiền bán hàng hóa, dịch vụ:					12.000.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Mười hai triệu đồng chẵn./.</i>					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

Biểu mẫu số 2.2: Nhật ký chung

**C.TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG
QUẢNG NINH**
Hưng Đạo- Đông Triều - Quảng Ninh

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2013

Đơn vị tính: **Đồng**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Số hiệu TK	Số hiệu TK	Nợ	Có
		
02/12	HD 0000945	02/12	Bán ngô giống thu bằng TM	111	511	10.000.000	10.000.000
3/12	HD 0000946	3/12	Bán thóc giống Khang Dân 18	131	511	12.000.000	12.000.000
07/12	GBC105	07/12	Rút quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng	112	111	20.000.000	20.000.000
8/12	PX19/12	05/12	Bán thóc giống cho Công ty CP giống cây trồng Thái Bình	112	511	46.000.000	46.000.000
		
10/12	PC 18/12	10/12	Thanh toán tiền nước Tháng 11/2013	642	111	2.686.850	2.686.850
		
15/12	PC 24/12	15/12	Mua phân đạm NPK của đại lý San Nhung	156	111	18.500.000	18.500.000
		
			Số trang trước chuyển sang				
			Cộng phát sinh			221.278.158.456	221.278.158.456

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

Biểu mẫu số 2.3: Sổ cái TK 511

C.TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG QUẢNG NINH

Hung Đạo – Đông Triều - Quảng Ninh

Mẫu số S03b - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	Ngày, tháng			Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ			
01/12	HD 0000940	01/12	Bán thóc giống vụ mùa 2013	131		20.500.000
02/12	HD 0000945	02/12	Bán ngô giống thu bằng TM	111		10.000.000
03/12	HD 0000946	03/12	Bán thóc giống Khang Dân 18	131		12.000.000
					
08/12	PX19/12	08/12	Bán thóc giống cho Công ty CP giống cây trồng Thái Bình	112		46.000.000
					
31/12	PK01/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng năm 2013	911	25.990.822.200	
			- Cộng SPS	x	25.990.822.200	25.990.822.200
			- Số dư cuối kỳ	x		

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn bán hàng

➤ **Tài khoản sử dụng**

- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 156: Hàng hóa
- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

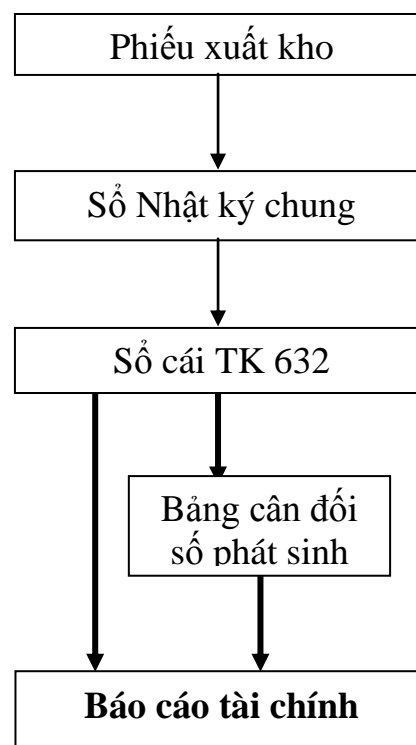
Đồng thời kế toán sử dụng các tài khoản có liên quan: TK 111, TK 112, TK,...

➤ **Sổ sách sử dụng**

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 632

➤ **Trình tự kế toán ghi sổ**

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán kế toán giá vốn hàng bán



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi định kỳ →

Căn cứ vào phiếu xuất kho, hàng ngày kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung sau đó căn cứ vào các số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 632.

Cuối kỳ, từ các số liệu tổng hợp trên sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh và lập báo cáo tài chính.

➤ **Ví dụ 2:** Ngày 08/12/2013 Bán thóc vụ mùa cho ông Nguyễn Văn Thành, đã thu bằng tiền gửi ngân hàng

- Khang dân 18 siêu nguyên chủng: 1000kg. Đơn giá bán 22.000đ/kg
- BC15 siêu nguyên chủng: 800kg. Đơn giá bán 30.000đ/kg

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 19/12 (biểu số 2.5) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Đơn giá xuất kho tính theo phương pháp nhập trước xuất trước:

+ Khang dân 18: 21.880đ/kg

+ BC15 : 29.500đ/kg

Định khoản: 1, Nợ TK632: 45.480.000

Có TK155: 45.480.000

2, Nợ TK112: 46.000.000

Có TK 511:46.000.000

Kế toán căn cứ vào hóa đơn số 0000951, phiếu xuất kho 19/12 ghi vào Nhật ký chung (Mẫu biểu số 2.6). Từ Nhật ký chung vào sổ cái TK 632 (Mẫu biểu số 2.9). Cuối quý căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC.

Biểu mẫu số 2.4: Hóa đơn bán hàng

HOÁ ĐƠN BÁN HÀNG (Liên 3: Nội bộ) Ngày 08 tháng 12 năm 2013				Mẫu số: 02GTTT/001 Ký hiệu: AA/13P Số: 0000951	
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh Địa chỉ: Hưng Đạo – Đông Triều – Quảng Ninh Mã số thuế: 5700479267 Điện thoại: 0333.870066 Số tài khoản: 800 3211 010024 Ngân hàng: Nông nghiệp và phát triển nông thôn					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Thành Tên đơn vị: Công ty Cổ phần giống cây trồng Thái Bình Địa chỉ: Đông Hưng – Thái Bình Số tài khoản: 800 3471 24689 Ngân hàng: Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Mã số thuế: 5800256734					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Khang dân 18 siêu n/c	Kg	1.000	22.000	22.000.000
2	BC15 siêu nguyên chủng	Kg	800	30.000	24.000.000
Cộng tiền bán hàng hóa, dịch vụ:.....46.000.000 Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn mươi sáu triệu đồng chẵn./</i>					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

Kế toán tính giá vốn thành phẩm xuất kho theo phương pháp NT-XT

Biểu mẫu số 2.5: Phiếu xuất kho

**Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh
Hưng Đạo – Đông Triều – Quảng Ninh**

(Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 08 tháng 12 năm 2013

Số: 19/12
Nợ: 632 45.480.000
Có: 155 45.480.000

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Thành
Địa chỉ: Công ty CP giống cây trồng Thái Bình
Lý do xuất: Xuất bán thóc vụ mùa 2013
Xuất tại kho: Thành phẩm vụ mùa 2013

STT	Tên, nhãn, hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư (sphh)	Mã số	Đvt	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Khang dân siêu nguyên chủng	SKD18	Kg	1000	1000	21.880	21.880.000
2	BC15 siêu nguyên chủng	BC15	Kg	800	800	29.500	23.600.000
	Cộng						45.480.000

- Tổng số tiền (bằng chữ): *Bốn mươi năm triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn*
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 08 tháng 12 năm 2013

**Người lập
phiếu**
(Ký, họ tên)

**Người nhận
hàng**
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

**Kế toán
trưởng**
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

Biểu mẫu số 2.6: Giấy báo có

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
AGRIBANK

Ma GDV:
Ma KH: 244086
So GD: 109

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 08/12/2013

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG QUẢNG NINH

Mã số thuế: 5700479267

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 800 3211 010024

Số tiền bằng số: 46.000.000

Số tiền bằng chữ: BỐN MƯƠI SÁU TRIỆU ĐỒNG CHẴN.

Nội dung: Khách hàng thanh toán tiền

Giao dịch viên
(Ký, họ tên)

Kiểm soát
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

Biểu mẫu số 2.7: Trích Nhật ký chung tháng 12/2013

C.TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG QUẢNG NINH

Hung Đạo – Đông Triều - Quảng Ninh

Mẫu số S03a - DN

(Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
Số hiệu	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
					
HD 0000945	02/12	Bán ngô giống thu bằng TM	111	511	10.000.000	10.000.000
PX19/12 GBC 109	08/12	Bán thóc giống cho Công ty CP giống cây trồng Thái Bình	632	155	45.480.000	45.480.000
	08/12		112	511	46.000.000	46.000.000
PC24/12	15/12	Mua phân đạm của đại lý San Nhung	152	111	18.500.000	18.500.000
PN40/12	21/12	Mua thuốc sâu Regent	152	331	12.000.000	12.000.000
PX35/12	23/12	Đặng Thị Huyền xuất thóc giống gieo mạ vụ chiêm 2013	621	155	7.238.140	7.238.140
					
		Cộng chuyển sang trang sau	
		Cộng phát sinh		x	221.278.158.456	221.278.158.456

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

Biểu mẫu số 2.8: Sổ cái TK 632

C.TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG QUẢNG NINH

Hưng Đạo – Đông Triều - Quảng Ninh

Mẫu số S03b - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	Ngày, tháng			Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ			
01/12	PX 03/12	01/12	Bán thóc giống vụ mùa 2013 cho chị Nguyễn Thị Lê	155	3.680.000	
03/12	PX 07/12	03/12	Bán thóc giống vụ mùa 2013 cho chị Lê Thị Đào	155	2.040.000	
					
08/12	PX 19/12	08/12	Bán thóc giống vụ mùa cho Công ty CP giống cây trồng Thái bình	155	45.480.000	
					
31/12	PK 02/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán năm 2013	911		21.136.970.230
			- Cộng SPS	x	21.136.970.230	21.136.970.230
			- Số dư cuối kỳ	x		

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

2.2.1.3. Kế toán chi phí bán hàng

- Chi phí bán hàng tại Công ty chủ yếu là chi phí dịch vụ chuyển phát nhanh và chi phí đặt in hóa đơn GTGT và chi phí quảng cáo,....

- Cuối kỳ kế toán doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh.

- Tài khoản chi phí bán hàng không có số dư cuối kỳ

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi (mẫu số 02TT- BTC)

- Hóa đơn bán hàng thông thường (mẫu 02 - GTTT)

- Các chứng từ khác có liên quan.

➤ **Tài khoản sử dụng: TK 641**

- TK 641- Chi phí bán hàng

- Ngoài ra kế toán còn sử dụng các TK 111, 331

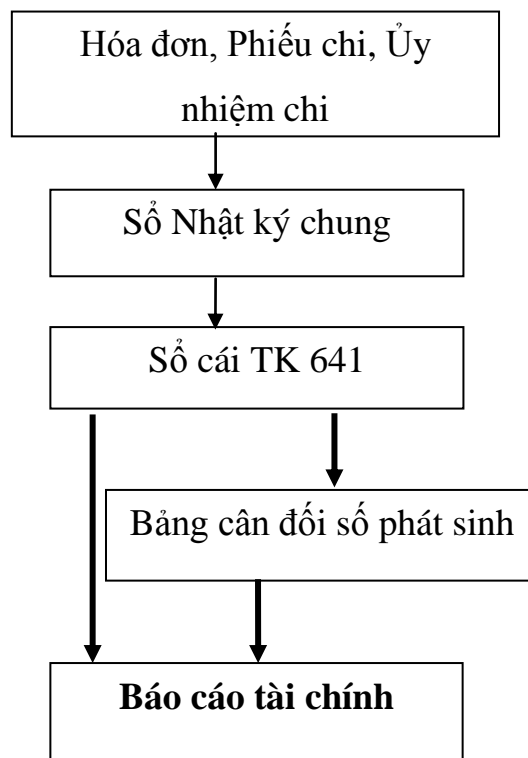
➤ **Sổ sách kế toán sử dụng**

- Sổ Nhật ký chung

- Sổ cái TK 641,111

➤ **Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán kế toán chi phí bán hàng



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 641, ...

- Các khoản chi phí phát sinh được phản ánh vào tài khoản này phải có căn cứ hợp pháp, chứng từ xác thực.

- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

- Tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không có số dư cuối kỳ.

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập bảng Cân đối tài khoản và lập Báo cáo tài chính.

➤ **Ví dụ 3:** Ngày 16/12/2013 Nguyễn Gia Luật mua xăng phục vụ bán hàng tại cây xăng Hưng Đạo, công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

Định khoản:

Nợ TK 641: 17.310.150

Có TK 111: 17.310.150

Căn cứ vào HĐGTGT số 0000965 và phiếu chi số 28/12 kế toán hạch toán nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung (biểu mẫu số 2.11) và sổ cái TK 641 (biểu mẫu số 2.12).

Cuối quý căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC

Biểu mẫu số 2.9: Hóa đơn giá trị gia tăng

HOÁ ĐƠN GTGT
 Liên 2 (Giao khách hàng)
 Ngày 16 tháng 12 năm 2013

Mẫu số: 01GTKT3/001
 Ký hiệu: AA/13P
 Số: **0000965**

Đơn vị bán hàng: Cây xăng Hưng Đạo Địa chỉ: Hưng Đạo - Đông Triều - Quảng Ninh Mã số thuế: Điện thoại: 0333. 670304 Số tài khoản: Ngân hàng: Nông nghiệp và phát triển nông thôn					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Gia Luật Tên đơn vị: Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh Địa chỉ: Hưng Đạo - Đông Triều - Quảng Ninh Số tài khoản: 800 3211 010024 Ngân hàng: Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hình thức thanh toán: Tiền mặt Mã số thuế: 5700479267					
TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Xăng A92	lít	650	24.210	15.736.500
Cộng tiền hàng:15.736.500 Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:1.573.650 Tổng cộng tiền thanh toán: 17.310.150					
Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu ba trăm mười nghìn một trăm năm mươi đồng					

Người mua hàng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

Biểu mẫu số 2.10: Phiếu chi

**C.TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG
QUẢNG NINH**
Hung Đạo - Đông Triều - Quảng Ninh

Mẫu số 02-TT
(Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 16 tháng 12 năm 2013

Số: 28/12

Nợ: TK641

Có: TK111

Người nhận tiền: Cây xăng Hung Đạo

Địa chỉ: Kim Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

Lý do chi: Thanh toán tiền xăng

Số tiền: 17.310.150

(Viết bằng chữ): Mười bảy triệu ba trăm mười nghìn một trăm năm mươi đồng

Kèm theo: 01 chứng từ gốc: Hoá đơn GTGT0000965

Ngày 16 tháng 12 năm 2013

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
--	---------------------------------------	-----------------------------------	--	--

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu).

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

Biểu mẫu số 2.11: Nhật ký chung

**C.TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG
QUẢNG NINH**
Hưng Đạo- Đông Triều - Quảng Ninh

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
02/12	HD 0000945	02/12	Bán ngô giống thu bằng TM	111	511	10.000.000	10.000.000
3/12	HD 0000946	3/12	Bán thóc giống Khang Dân 18	131	511	12.000.000	12.000.000
07/12	GBC105	07/12	Rút quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng	112	111	20.000.000	20.000.000
		
10/12	PC 18/12	10/12	Thanh toán tiền nước Tháng 11/2013	642	111	2.686.850	2.686.850
		
15/12	PC 24/12	15/12	Mua phân đạm NPK của đại lý San Nhung	156	111	18.500.000	18.500.000
16/12	HDGTT 0000965 PC28/12	16/12	Mua xăng phục vụ bán hàng	641	111	17.310.150	17.310.150
		
			Số trang trước chuyển sang				
			Cộng phát sinh			221.278.158.456	221.278.158.456

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

Biểu mẫu số 2.12: Sổ cái TK 641

**C.TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG
QUẢNG NINH**
Hưng Đạo – Đông Triều - Quảng Ninh

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
			
08/12	PC16/12	08/12	Tiền điện thoại cho nhân viên bán hàng	111	1.050.000	
14/12	PC22/12	14/12	Phạm Văn Duy tt tiền cước phí v/c thóc giống vụ mùa 2013	111	3.550.000	
16/12	HĐGTGT 0000965	16/12	Mua xăng để phục vụ bán hàng	111	17.310.150	
			
31/12	PK02/12	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		2.421.932.210
			Cộng phát sinh		2.421.932.210	2.421.932.210
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

2.2.1.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí quản lý doanh nghiệp được sử dụng để phản ánh các chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến quản lý doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty chủ yếu là chi phí về lương, vật liệu văn phòng, phí và lệ phí, và các chi phí khác liên quan đến quản lý doanh nghiệp.

- Các khoản chi phí phát sinh được phản ánh vào tài khoản này phải có căn cứ hợp pháp, chứng từ xác thực.

- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

- Tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không có số dư cuối kỳ.

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu chi
- Hóa đơn bán hàng
- Ủy nhiệm chi
- Bảng thanh toán lương
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ theo bộ phận
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng**

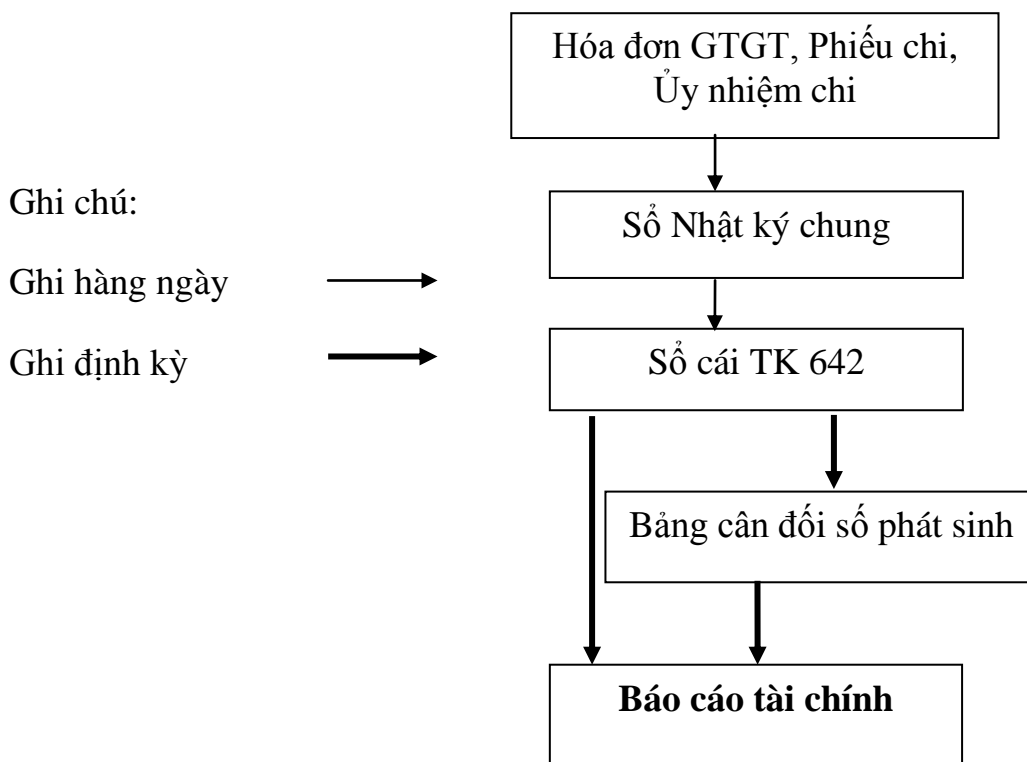
- TK 642
- Các TK liên quan: TK 111, 112, 131, 133, ...

➤ **Sổ sách kế toán sử dụng**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 642, 111

➤ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 642,...

Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng Cân đối tài khoản và lập Báo cáo tài chính.

➤ Ví dụ 4: Ngày 25/12/2013, căn cứ hóa đơn số 0000979 và phiếu chi số 40/12 về việc thanh toán tiền tiếp khách 3.600.000đ. Kế toán ghi sổ theo định khoản:

Nợ TK 642: 3.600.000

Có TK 111: 3.600.000

Căn cứ HĐ số 0000979 (biểu mẫu số 2.13) viết phiếu chi số 40/12(biểu mẫu số 2.14), kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung(biểu mẫu số 2.15), từ Nhật ký chung ghi sổ cái TK 642(biểu mẫu số 2.16)

Biểu mẫu số 2.13: Hóa đơn bán hàng

HOÁ ĐƠN BÁN HÀNG

Liên 2 (Giao khách hàng)

Ngày 25 tháng 12 năm 2013

Mẫu số: 02GTTT/001

Ký hiệu: AA/13P

Số: **0000979**

Đơn vị bán hàng: Nhà hàng Sao Đỏ

Địa chỉ: Kim Sơn - Đông Triều - Quảng Ninh

Mã số thuế:

Điện thoại: 0333. 670135

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng: **Nguyễn Văn Tiến**

Tên đơn vị: **Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh**

Địa chỉ: Hưng Đạo - Đông Triều - Quảng Ninh

Số tài khoản: **800 3211 010024** Ngân hàng: Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Hình thức thanh toán: Tiền mặt Mã số thuế: 5700479267

TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Các món về gà	Số người	10	360.000	3600.000

Cộng tiền bán hàng hóa, dịch vụ:..... 3.600.000

Số tiền viết bằng chữ: *Ba triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn./.*

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

Biểu mẫu số 2.14: Phiếu chi

**C.TY CP GIỒNG CÂY TRỒNG
QUẢNG NINH**
Hung Đạo - Đông Triều - Quảng Ninh

Mẫu số 02-TT
(Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 25 tháng 12 năm 2013

Số: 40/12

Nợ: TK642

Có: TK111

Người nhận tiền: Nhà hàng Sao Đỏ

Địa chỉ: Kim Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

Lý do chi: Thanh toán tiền tiếp khách

Số tiền: 3.600.000 (Viết bằng chữ): Ba triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc: Hoá đơn 0000979

Ngày 25 tháng 12 năm 2013

Giám đốc
(Ký, họ tên,
đóng dấu)

**Kế toán
trưởng**
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ
tên)

**Người lập
phiếu**
(Ký, họ tên)

**Người nhận
tiền**
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu).

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giồng cây trồng Quảng Ninh)

Biểu mẫu số 2.15: Nhật ký chung

**C.TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG
QUẢNG NINH**
Hưng Đạo- Đông Triều - Quảng Ninh

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
02/12	HĐ 0000945	02/12	Bán ngô giống thu bằng TM	111	511	10.000.000	10.000.000
3/12	HĐ 0000946	3/12	Bán thóc giống Khang Dân 18	131	511	12.000.000	12.000.000
07/12	GBC105	07/12	Rút quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng	112	111	20.000.000	20.000.000
		
10/12	PC 18/12	10/12	Thanh toán tiền nước Tháng 11/2013	642	111	2.686.850	2.686.850
		
15/12	PC 24/12	15/12	Mua phân đạm NPK của đại lý San Nhung	156	111	18.500.000	18.500.000
25/12	HĐ 0000979 PC40/12	25/12	Thanh toán tiền tiếp khách	642	111	3.600.000	3.600.000
		
			Số trang trước chuyển sang				
			Cộng phát sinh			221.278.158.456	221.278.158.456

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

Biểu mẫu số 2.16: Sổ cái 642

**C.TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG
QUẢNG NINH**

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Hung Đạo – Đông Triều - Quảng Ninh

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
			
25/12	PC40/12	25/12	Thanh toán tiền tiếp khách	111	3.600.000	
26/12	PC42/12	26/12	Chi phí tập huấn nông dân	111	1.686.850	
28/12	PC45/12	28/12	Vũ Thu Thủy tt tiền hợp triển khai phòng trừ sâu bệnh	111	3.300.000	
			
31/12	PK02/12	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN năm 2013	911		1.611.124.000
			Cộng phát sinh		1.611.124.000	1.611.124.000
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

2.2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu, chi phí hoạt động tài chính phát sinh năm 2013 của công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh là từ hoạt động gửi và vay tiền ở tài khoản ngân hàng. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản lãi tiền gửi ngân hàng và khoản chi phí tài chính chủ yếu là khoản lãi vay phải trả.

➤ **Tài khoản sử dụng**

- TK 515 – *Doanh thu hoạt động tài chính*
- TK 635 – *Chi phí hoạt động tài chính*

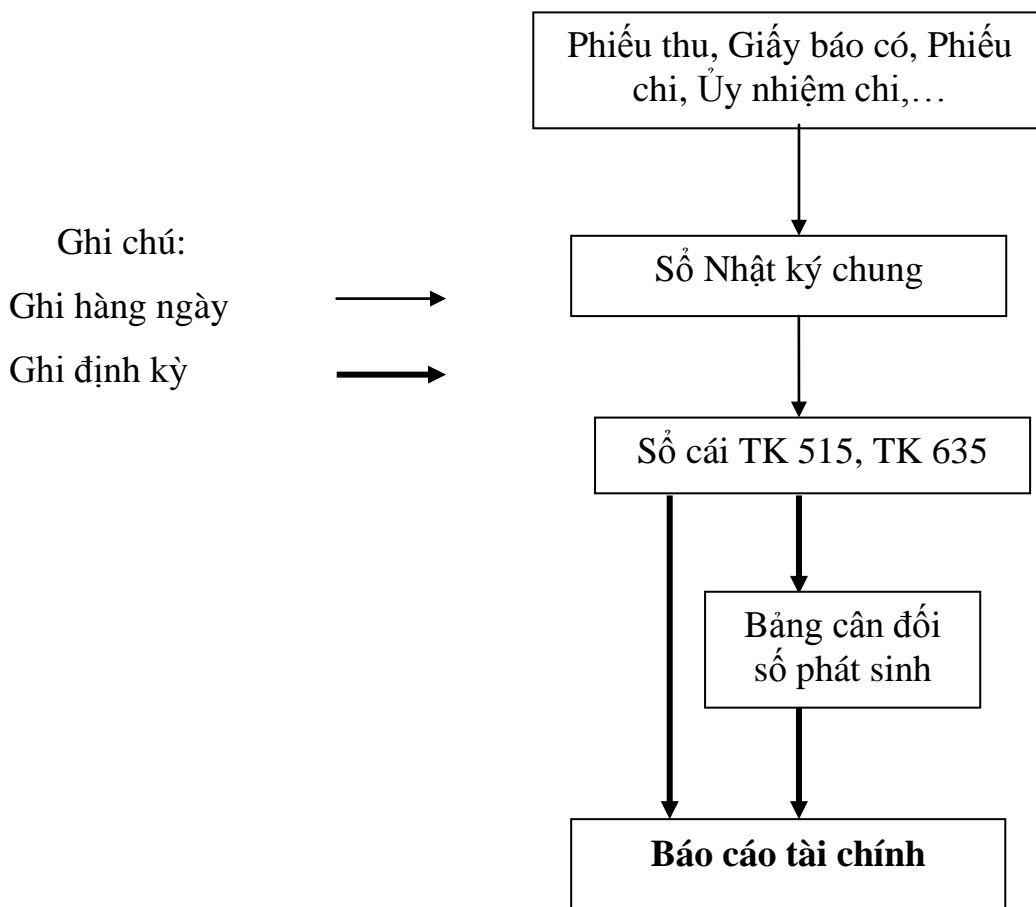
➤ **Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo có, Giấy báo nợ
- Ủy nhiệm chi
- Sao kê tài khoản ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu, Phiếu chi

➤ **Sổ sách sử dụng: Sổ Cái TK 515, 635**

➤ **Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính



Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 515, 635...

Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập bảng Cân đối tài khoản và lập Báo cáo tài chính.

➤ **Ví dụ 5:** Căn cứ vào giấy báo nợ số 83 ngày 14/12/2013 ngân hàng Agribank thông báo về việc trả lãi tiền vay và các chứng từ có liên quan Kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản

Nợ TK 635 : 16.320.000

Có TK 112: 16.320.000

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào nhật ký chung (biểu số 2.19). Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK635 (biểu số 2.21). Cuối quý căn cứ vào sổ cái TK635 để lập bảng cân đối số phát sinh sau đó lập BCTC

Biểu mẫu số 2.17: Giấy báo nợ NH Nông nghiệp và phát triển nông thôn

**NGÂN HÀNG
NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
AGRIBANK**

Mã GDV:
Mã KH: 244086
Số GD: 83

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 14/12/2013

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG QUẢNG NINH

Mã số thuế: 5700479267

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ: 800 3211 010024

Số tiền bằng số: 16.320.000

Số tiền bằng chữ: MƯỜI SAU TRIỆU BA TRĂM HAI MƯƠI NGHÌN ĐỒNG

Nội dung: Trả lãi tiền vay

Giao dịch viên
(Ký, họ tên)

Kiểm soát
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

➤ **Ví dụ 6:** Căn cứ vào giấy báo có số 112 ngày 25/12/2013 của ngân hàng Techcombank về việc nhận lãi tiền gửi và các chứng từ có liên quan. Kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản:

Nợ TK 112 : 1.152.600

Có TK 515 : 1.152.600

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào nhật ký chung (biểu số 2.18). Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK515 (biểu số 2.19)

Cuối quý căn cứ vào sổ cái TK515 để lập bảng cân đối số phát sinh, bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC

Biểu mẫu số 2.18: Giấy báo có NH Techcombank

NGÂN HÀNG TECHCOMBANK



Ma GDV:

Ma KH: 244098

So GD: 112

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 25/12/2013

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG QUẢNG NINH

Mã số thuế: 5700479267

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 532 3211 010024

Số tiền bằng số: 1.152.600

Số tiền bằng chữ: MỘT TRIỆU MỘT TRĂM NĂM MƯỜI HAI NGHÌN SÁU TRĂM ĐỒNG

Nội dung: Lãi tiền gửi

Giao dịch viên
(Ký, họ tên)

Kiểm soát
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

Biểu mẫu số 2.19: Sổ Nhật ký chung

C.TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG QUẢNG NINH

Hung Đạo – Đông Triều - Quảng Ninh

Mẫu số S03a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
Số hiệu	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
					
PX19/12	08/12	Bán thóc giống cho Công ty CP giống cây trồng Thái Bình	632	155	45.480.000	45.480.000
GBC 109	08/12		112	511	46.000.000	46.000.000
GBN83	14/12	Thanh toán lãi trả ngân hàng	635	112	16.320.000	16.320.000
PC24/12	15/12	Mua phân đạm của đại lý San Nhung	152	111	18.500.000	18.500.000
PN40/12	21/12	Mua thuốc sâu Regent	152	331	12.000.000	12.000.000
PX35/12	23/12	Đặng Thị Huyền xuất thóc giống gieo mạ vụ chiêm 2013	621	155	7.238.140	7.238.140
PC40/12	25/12	Thanh toán tiền tiếp khách	642	111	3.600.000	3.600.000
GBC112	25/12	Nhận lãi tiền gửi	112	515	1.152.600	1.152.600
					
		Cộng chuyển sang trang sau	
					
		Cộng phát sinh		x	221.278.158.456	221.278.158.456

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

Biểu mẫu số 2.20: Sổ cái TK 515

**C.TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG
QUẢNG NINH**
Hưng Đạo – Đông Triều - Quảng Ninh

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
			
26/04	GBC 85	26/04	Lãi tiền gửi tháng 4	112		423.050
25/12	GBC 112	25/12	Lãi tiền gửi tháng 12	112		1.152.600
			
31/12	PKT 01/12	31/12	Kết chuyển TK911	911	11.144.900	
			Cộng phát sinh		11.144.900	11.144.900
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

Biểu mẫu số 2.21: Sổ cái TK 635

**C.TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG
QUẢNG NINH**
Hưng Đạo – Đông Triều - Quảng Ninh

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu: 635

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
			
15/04	GBN45	15/04	Chi phí chuyển tiền	112	44.000	
14/12	GBN83	14/12	Lãi trả ngân hàng	112	16.320.000	
			
31/12	PKT02/12	31/12	Kết chuyển TK911	911		742.449.327
			Cộng phát sinh		742.449.327	742.449.327
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

3.2.3. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

- Thu nhập khác là những khoản thu nhằm làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài, các hoạt động tạo ra doanh thu như: thu về nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu tiền cho thuê, thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.

- Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay nhiệm vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra.

➤ **Chứng từ sử dụng**

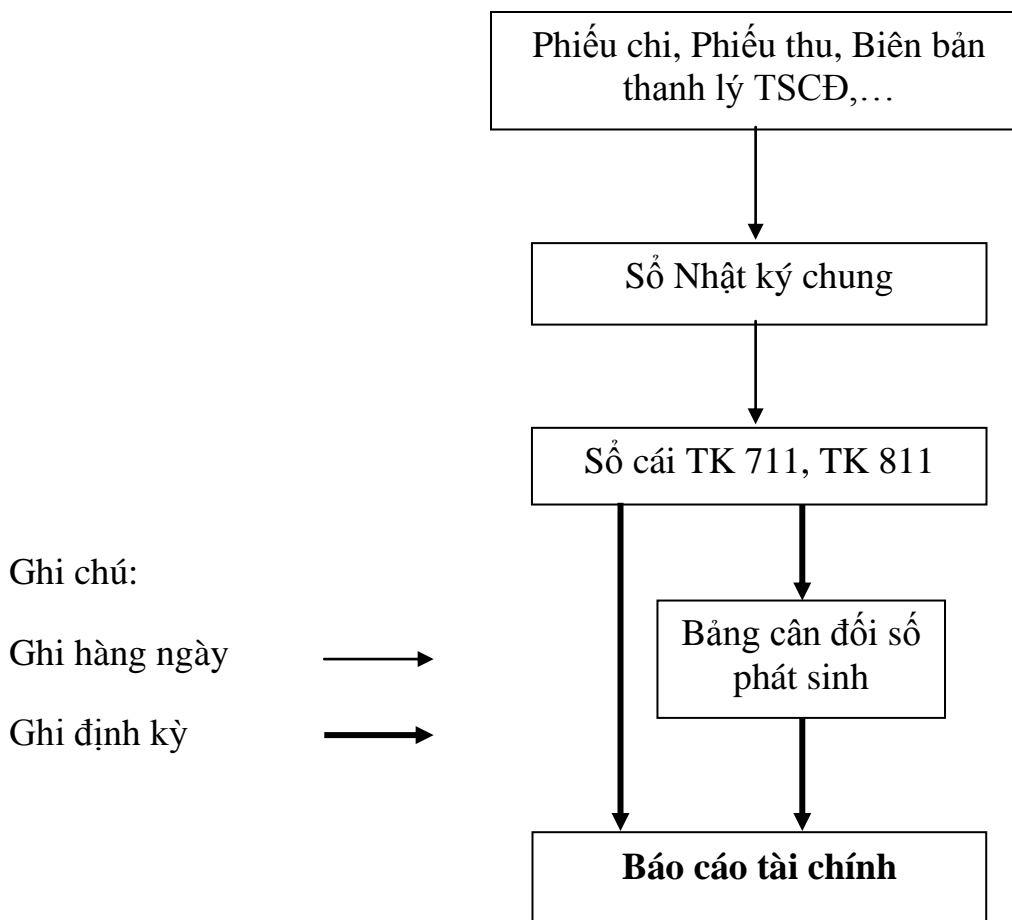
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ,...
- Phiếu thu, Phiếu chi.
- Phiếu kế toán,...

➤ **Tài khoản sử dụng**

- TK 711 – Thu nhập khác
- TK 811 – Chi phí khác

➤ **Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.9: Trình tự hạch toán thu nhập khác, chi phí khác



Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 711, 811...

Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập bảng Cân đối tài khoản và lập Báo cáo tài chính.

➤ **Ví dụ 7:** Căn cứ vào biên bản nhượng bán ngày 15/12/2013 về việc thanh lý tài sản cố định máy sấy thóc và các chứng từ có liên quan khác. Kế toán ghi vào các sổ sách kế toán theo định khoản

- Xóa sổ nguyên giá TSCĐ (Căn cứ biên bản thanh lý TSCĐ biểu mẫu 2.22)

Nợ TK 811 : 66.464.600

Nợ TK 214 : 93.535.400

Có TK 211: 160.000.000

- Phản ánh số thu về nhượng bán

Nợ TK 111 : 33.000.000

Có TK 711 : 33.000.000

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.24), căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK711 (biểu số 2.25), sổ cái TK811 (biểu số 2.26). Cuối quý căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC

Biểu mẫu số 2.22: Biên bản nhượng bán TSCĐ

BIÊN BẢN NHƯỢNG BÁN TSCĐ

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

- Căn cứ Quyết định số 13: Ngày 15 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh về việc nhượng bán tài sản cố định

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm

* Bên thanh lý (Bên A)

- Ông: Nguyễn Ngọc Tiến Chức vụ: Giám đốc

Trưởng ban

- Bà: Nguyễn Thị Thơ Chức vụ: Kế toán Ủy viên

* Bên mua (Bên B)

Ông: Nguyễn Văn Ba Chức vụ: Phó giám đốc Trưởng ban

Ông: Nguyễn Tiến Đạt Chức vụ: Nhân viên kinh doanh Ủy viên

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ

- Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Máy sấy thóc

- Số hiệu TSCĐ:

- Nước sản xuất (xây dựng): Mỹ

- Năm sản xuất: 2003

- Năm đưa vào sử dụng: 2004

- Nguyên giá TSCĐ: 160.000.000 đồng

- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm nhượng bán: 93.535.400 đồng

- Giá trị còn lại của TSCĐ: 66.464.600 đồng

III. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ

Máy sấy thóc vẫn sử dụng bình thường

IV> Kết quả thanh lý TSCĐ

- Chi phí thanh lý TSCĐ: ...0.....(viết bằng chữ).....

- Giá trị thu hồi: 33.000.000 (viết bằng chữ) Ba mươi ba triệu đồng chẵn

- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 15 tháng 12 năm 2013

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Đại diện bên A

(Ký, họ tên)

Đại diện bên B

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

Biểu mẫu số 2.23: Phiếu thu

**C.TY CP GIÓNG CÂY TRỒNG
QUẢNG NINH**
Hưng Đạo - Đông Triều - Quảng Ninh

Mẫu số 02-TT
(Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Số: 39/12

Nợ: TK 111

Có: TK 711

Họ và tên người nộp tiền: Đặng Thị Mai

Địa chỉ: Phòng Kế hoạch - Tài vụ

Lý do nộp: Thu bán máy sấy thóc

Số tiền: 33.000.000 (viết bằng chữ): Ba mươi ba triệu đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
--	---	---	--	--------------------------------

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ(vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

Biểu mẫu số 2.24: Sổ nhật ký chung

C.TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG

QUẢNG NINH

Hung Đạo – Đông Triều - Quảng Ninh

Mẫu số S03a - DN

(Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
Số hiệu	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
					
PX15/12	05/12	Bán thóc giống cho Công ty Hà Nam	632	155	75.250.000	75.250.000
			331	511	83.720.000	83.720.000
PX19/12	08/12	Bán thóc giống cho Công ty CP giống cây trồng Thái Bình	632	155	45.480.000	45.480.000
GBC 109	08/12		112	511	46.000.000	46.000.000
BBNB	15/12	Thanh lý máy sấy thóc	214	211	93.535.400	160.000.000
PT			811		66.464.600	
39/12			111	711	33.000.000	33.000.000
PN40/12	21/12	Mua thuốc sâu Regent	152	331	12.000.000	12.000.000
PX35/12	23/12	Đặng Thị Huyền xuất thóc giống gieo mạ vụ chiêm 2013	621	155	7.238.140	7.238.140
PC40/12	25/12	Thanh toán tiền tiếp khách	642	111	3.600.000	3.600.000
					
		Cộng chuyển sang trang sau	
		Cộng phát sinh		x	221.278.158.456	221.278.158.456

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

Biểu mẫu số 2.25: Sổ cái TK 711

C.TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG QUẢNG NINH
Hưng Đạo – Đông Triều - Quảng Ninh

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Năm 2013
Tên TK: Thu nhập khác
Số hiệu: 711

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ U	Số tiền	
	SH	Ngày, tháng			Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ			
15/12	PT 39/12	15/12	Thu tiền nhượng bán máy sấy thóc	111		33.000.000
17/12	PT 43/12	17/12	Thu tiền bán phế liệu	111		3.000.000
					
31/12	PKT 01/12	31/12	Kết chuyển thu nhập khác năm 2013	911	325.000.000	
			- Cộng SPS	x	325.000.000	325.000.000
			- Số dư cuối kỳ	x		

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

Biểu mẫu số 2.26: Sổ cái TK 811

**C.TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG
QUẢNG NINH**
Hưng Đạo – Đông Triều - Quảng Ninh

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Năm 2013
Tên TK: Chi phí khác
Số hiệu: 811

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ U	Số tiền	
	SH	Ngày, tháng			Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ			
15/12	BBNB	15/12	Nhượng bán máy sấy thóc	211		66.464.600
					
31/12	PK02/12	31/12	Kết chuyển chi phí khác năm 2013	911		217.240.000
			- Cộng SPS	x	217.240.000	217.240.000
			- Số dư cuối kỳ	x		

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

2.2.4. Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh

Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải quan tâm đến hiệu quả và kết quả của doanh nghiệp mình. Nội dung của kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty Cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh bao gồm:

- Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Kết quả hoạt động tài chính
- Kết quả hoạt động khác
- **Tài khoản kế toán sử dụng**
 - TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
 - TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
 - Các tài khoản khác có liên quan

➤ **Phương pháp xác định kết quả kinh doanh**

Cuối quý kế toán tổng hợp số liệu từ các sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán định khoản xác định lãi lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

$$\mathbf{KQKD = DTT - CP + KQTC + KQHĐ khác}$$

Trong đó:

Chi phí = Giá vốn hàng bán + Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý DN

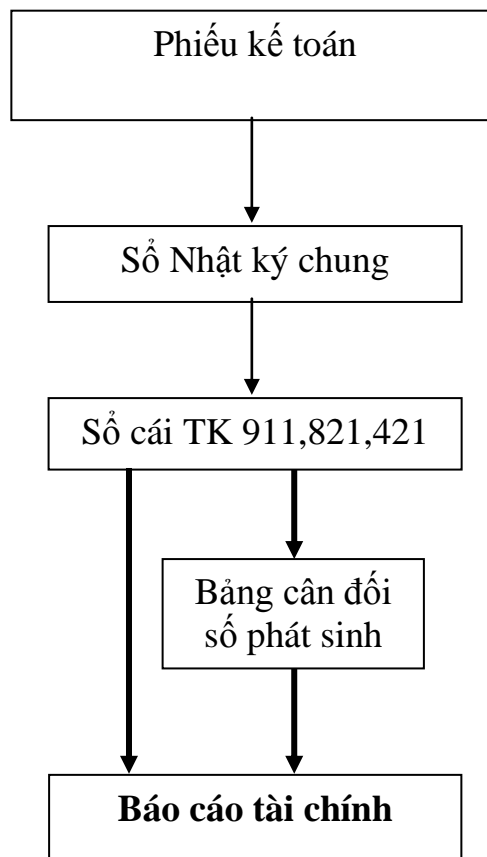
KQTC = Doanh thu HĐTC - Chi phí HĐTC

KQHĐ khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

➤ **Sổ sách sử dụng:** Sổ cái TK 911, 821, 421

➤ **Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.10: Trình tự hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

➤ **Ví dụ 8:** Có số liệu năm 2013 của công ty như sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	: 25.990.822.200đồng
- Các khoản giảm trừ doanh thu	: 0 đồng
- Giá vốn hàng bán	: 21.136.970.230đồng
- Doanh thu hoạt động tài chính	: 11.144.900đồng
- Chi phí tài chính	: 742.449.327đồng
- Chi phí bán hàng	: 2.421.932.210 đồng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	: 1.611.124.000đồng
- Thu nhập khác	: 325.000.000đồng
- Chi phí khác	: 217.240.000đồng

Xác định kết quả kinh doanh:

$$\begin{aligned} \text{Doanh thu thuần} &= \text{Doanh thu bán hàng} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu} \\ &= 25.990.822.200 - 0 = 25.990.822.200\text{đồng} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận gộp} &= \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán} \\ &= 25.990.822.200 - 21.136.970.230 = 4.853.851.970\text{đồng} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận khác} &= \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác} \\ &= 325.000.000 - 217.240.000 = 107.760.000\text{đồng}. \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} &= \text{Lợi nhuận gộp} + \text{doanh thu hoạt động TC} - \\ &\text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí QLDN} + \text{Lợi nhuận khác} \\ &= 4.853.851.970 + 11.144.900 - 742.449.327 - 2.421.932.210 - 1.611.124.000 + \\ &107.760.000 = 197.251.333\text{đồng}. \end{aligned}$$

- Thực hiện các bút toán kết chuyển:

+ Kết chuyển doanh thu bán hàng:

$$\text{Nợ TK 5111 : 25.990.822.200}$$

$$\text{Có TK 911 : 25.990.822.200}$$

+ Kết chuyển giá vốn hàng bán:

$$\text{Nợ TK 911 : 21.136.970.230}$$

$$\text{Có TK 632 : 21.136.970.230}$$

+ Kết chuyển chi phí bán hàng:

$$\text{Nợ TK 911 : 2.421.932.210}$$

$$\text{Có TK 641: 2.421.932.210}$$

+ Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp:

$$\text{Nợ TK 911 : 1.611.124.000}$$

$$\text{Có TK 642: 1.611.124.000}$$

+ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính:

Nợ TK 515: 11.144.900

Có TK 911: 11.144.900

+ Kết chuyển chi phí tài chính:

Nợ TK 911 : 742.449.327

Có TK 635 :742.449.327

+ Kết chuyển thu nhập khác:

Nợ TK 711: 325.000.000

Có TK 911: 325.000.000

+ Kết chuyển chi phí khác:

Nợ TK 911 : 217.240.000

Có TK 811: 217.240.000

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp = LN kế toán trước thuế x 25% x70%

$$= 197.251.333 \times 25\% \times 70\% = 34.518.983 \text{ đồng}$$

- Thuế TNDN phải nộp:

Nợ TK 821: 34.518.983

Có TK 3334: 34.518.983

- Kết chuyển chi phí TNDN:

Nợ TK 911: 34.518.983

CóTK 821: 34.518.983

Lợi nhuận sau thuế = 197.251.333- 34.518.983 = 162.732.350đồng

- Kết chuyển lợi nhuận sau thuế:

Nợ TK 911: 162.732.350

Có TK 421: 162.732.350

Biểu mẫu số 2.27: Phiếu kế toán

Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh
 Hưng Đạo – Đông Triều – Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 01/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
	Ghi có TK 911			
1	Kết chuyển DT bán hàng	511	911	25.990.822.200
2	DT hoạt động tài chính	515	911	11.144.900
3	Thu nhập khác	711	911	325.000.000
	Tổng			26.326.967.100

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu
(đã ký)

Biểu mẫu số 2.28: Phiếu kế toán

Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh
 Hưng Đạo – Đông Triều – Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 02/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
	Ghi nợ TK 911			
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	21.136.970.230
2	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	2.421.932.210
3	Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	1.611.124.000
4	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	742.449.327
5	Kết chuyển chi phí khác	911	811	217.240.000
6	Kết chuyển cp thuế TNDN	911	821	34.518.983
7	Kết chuyển LNST	911	421	162.732.350
	Tổng			26.326.967.100

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu
(đã ký)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

Biểu mẫu số 2.29: Sổ nhật ký chung

C.TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG QUẢNG NINH

Hung Đạo – Đông Triều - Quảng Ninh

Mẫu số S03a – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải Số trang trước chuyển sang	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
....
31/12	PKT 01/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	25.990.822.200	
				911		25.990.822.200
31/12	PKT 02/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	21.136.970.230	
				632		21.136.970.230
31/12	PKT 02/12	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	2.421.932.210	
				641		2.421.932.210
31/12	PKT 02/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	1.611.124.000	
				642		1.611.124.000
31/12	PKT 01/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	11.144.900	
				911		11.144.900
31/12	PKT 02/12	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	742.449.327	
				635		742.449.327
31/12	PKT 01/12	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711	325.000.000	
				911		325.000.000
31/12	PKT 02/12	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911	217.240.000	
				811		217.240.000
31/12	PKT 02/12	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	34.518.983	
				3334		34.518.983
31/12	PKT 02/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	34.518.983	
				821		34.518.983
31/12	PKT 01/12	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	162.732.350	
				421		162.732.350
			Cộng phát sinh		221.278.158.456	221.278.158.456

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

Biểu mẫu số 2.30: Sổ cái TK 911

C.TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG QUẢNG NINH

Hung Đạo – Đông Triều - Quảng Ninh

Mẫu số S03b - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ					
							
31/12	PKT 01/12	31/12	Kết chuyển DT bán hàng năm 2013			511		25.990.822.200
31/12	PKT 02/12	31/12	Kết chuyển cp bán hàng năm 2013			641	2.421.932.210	
31/12	PKT 02/12	31/12	Kết chuyển cp QLDN năm 2013			642	1.611.124.000	
31/12	PKT 02/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán năm 2013			632	21.136.970.230	
							
			- Cộng SPS	x	x	x	26.326.967.100	26.326.967.100
			- Số dư cuối kỳ	x	x	x		

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

Biểu mẫu số 2.31: Sổ cái TK 421

**C.TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG
QUẢNG NINH**
Hưng Đạo – Đông Triều - Quảng Ninh

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số hiệu: 421

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			<u>138.655.570</u>
			Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT 02/12	31/12	Kết chuyển lãi	911		162.732.350
			Cộng phát sinh			<u>162.732.350</u>
			Số dư cuối kỳ			<u>301.387.920</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

Biểu mẫu số 2.32: Sổ cái TK 821

**C.TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG
QUẢNG NINH**
Hưng Đạo – Đông Triều - Quảng Ninh

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT 03/12	31/12	Xác định thuế TNDN	3334	34.518.983	
31/12	PKT 02/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		34.518.983
			Cộng phát sinh		34.518.983	34.518.983
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

Biểu mẫu số 2.33: Báo cáo kết quả kinh doanh

**C.TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG
QUẢNG NINH**

Hung Đạo – Đông Triều - Quảng Ninh

Mẫu số B02 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	25.990.822.200	26.912.623.800
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	25.990.822.200	26.912.623.800
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	21.136.970.230	23.091.569.990
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.853.851.970	3.821.053.810
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	11.144.900	10.607.200
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	742.449.327	754.743.450
8. Chi phí bán hàng	24		2.421.932.210	1.590.837.490
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.611.124.000	1.301.206.000
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	30		89.491.333	184.874.070
11. Thu nhập khác	31		325.000.000	
12. Chi phí khác	32		217.240.000	
13. Lợi nhuận khác	40		107.760.000	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		197.251.333	184.874.070
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	34.518.983	32.352.962
16. Chi phí TNDN hoãn lại	52	VI.32		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		162.732.350	152.521.108
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

CHƯƠNG 3:
MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG
QUẢNG NINH

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán tại Công ty Cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh

Những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó bên cạnh những thuận lợi, công ty phải đương đầu với không ít khó khăn từ các yếu tố khách quan cùng nhu cầu chủ quan mang lại. Mặc dù vậy với tiềm năng sẵn có cùng với sự lãnh đạo của ban giám đốc công ty, sự năng động, sáng tạo nhiệt tình của toàn thể công nhân viên, công ty đã đạt được một số thành tựu trong kinh doanh và ngày càng được khách hàng tín nhiệm.

Để đạt được thành tựu như vậy không thể không kể đến sự nỗ lực phấn đấu và những kết quả đạt được của công tác kế toán. Việc phân chia công việc phù hợp với trình độ, năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty, đồng thời thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa các kế toán viên dưới sự quản lý của kế toán trưởng đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của từng nhân viên trong phòng đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Qua một thời gian thực tập tại công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh với việc nghiên cứu đề tài: "**Hoàn thiện công tác kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh**". em xin đưa ra một số ý kiến như sau:

3.1.1. Ưu điểm

➤ **Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh**

Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động thực sự hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng.

➤ **Về tổ chức bộ máy kế toán của công ty**

Cơ cấu của phòng tài chính kế toán gọn nhẹ. Các cán bộ kế toán có tính độc lập, nhiệt tình và có lòng yêu nghề, chưa để xảy ra sai phạm đáng kể trong kinh tế tài chính, hạch toán thống kê. Giám sát và quản lý các chi phí phát sinh theo đúng pháp luật và quy định của Công ty.

➤ **Về hạch toán kế toán nói chung:**

Nhìn chung Công ty thực hiện đầy đủ và chính xác chế độ kế toán cũng như những chuẩn mực ban hành cụ thể:

- Chứng từ kế toán: Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ phát sinh tạo điều kiện cho tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết.
- Về sổ sách kế toán: Các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng sạch sẽ và được lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung, hình thức này có ưu điểm cơ bản là ghi chép đơn giản, kết cấu sổ dễ ghi, số liệu kế toán dễ đối chiếu, dễ kiểm tra. Sổ cái cho phép người quản lý theo dõi được các nội dung kinh tế.
- Về hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung.

➤ **Về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty:**

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.
- Về công tác kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.
- Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác.

3.1.2. Hạn chế

Trong thời gian vừa qua, công ty đã cố gắng xây dựng bộ máy quản lý cũng như xây dựng bộ máy kế toán ngày càng hoàn thiện hơn, nhằm hỗ trợ đắc

lực cho công tác quản lý và công ty đã đạt được những thành tựu nhất định. Tuy nhiên, cùng với những mặt ưu điểm thì công tác hạch toán kế toán của công ty vẫn còn những mặt tồn tại.

✓ **Về tổ chức bộ máy kế toán**

Hiện nay Công ty chỉ có 3 cán bộ kế toán trình độ chuyên môn chưa cao hơn nữa việc phân công công việc chưa hợp lý dẫn đến tình trạng số lượng nhân viên kế toán ít mà khối lượng công việc nhiều (thường dồn vào cuối kỳ) nên công tác kế toán còn gặp nhiều sai sót. Không những thế Công ty hiện đang dùng kế toán bằng tay chưa áp dụng các phần mềm kế toán nên khó đáp ứng được số liệu khi cần một cách chính xác và nhanh chóng.

✓ **Về việc lưu giữ và luân chuyển chứng từ**

Chứng từ kế toán rất quan trọng đối với công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Hiện nay việc lưu giữ và bảo quản chứng từ vẫn chưa hợp lý, chưa có sự ký nhận giữa các bên khi bàn giao chứng từ. Điều đó có thể dẫn đến việc thất lạc chứng từ mà không tìm ra được nguyên nhân ảnh hưởng đến việc hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

✓ **Chưa áp dụng chính sách ưu đãi đối với khách hàng**

Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp kích thích được nhu cầu khách hàng, thu hút nhiều khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh.

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình tiêu thụ lẫn lỗ thực tế của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá

trình kinh doanh của doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu và xác định kết quả là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp nên đóng vai trò quan trọng. Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu xác định kết quả nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Thực tế, công tác kế toán còn thụ động, chỉ dừng ở mức độ ghi chép, cung cấp thông tin mà chưa có sự tác động tích cực. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh để tăng doanh thu hạ chi phí mặt khác xác định được mục tiêu chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả có một ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.2. Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc thống nhất
- + Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh
- + Đảm bảo sự thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán
- Thực hiện đúng chế độ nhà nước ban hành
- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học phù hợp với đặc điểm tính chất kinh doanh của doanh nghiệp. Đơn vị phải có đội ngũ nhân viên kế toán hiểu biết nghiệp vụ kế toán. Đặc biệt chú ý đến công tác trang bị phương tiện kỹ thuật, áp dụng kế toán máy trong thu thập xử lý các nghiệp vụ kinh tế
- Tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp
- Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác kịp thời, đầy đủ về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ kịp thời cho việc chỉ đạo quá trình kinh doanh.

3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh.

Trước những yêu cầu hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán của Công ty cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, phù hợp với trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán Công ty. Qua quá trình thực tập tại Công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của Công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Bài viết xin đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm nâng cao công tác quản lý chi phí tại Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh như sau:

Kiến nghị 1: Về việc tổ chức công tác kế toán

Tổ chức công tác kế toán diễn ra một cách thuận lợi thì người kế toán phải có trình độ chuyên môn, hiểu được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Để thực hiện giải pháp trên kế toán trưởng phải sắp xếp bộ máy kế toán đúng người đúng việc. Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán như việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, phần mềm kế toán Việt Nam - KTVN, FAST, SASINNOVA... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của Công ty.

Việc áp dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp thể hiện sự nhanh nhẹn, thích nghi với nền công nghiệp hiện đại. Hiện tại, phòng kế toán đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ công tác kế toán. Đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công ty.

Công ty thực hiện tốt việc áp dụng phần mềm kế toán giúp cải thiện hiệu quả làm việc của công ty cho dù công ty là nhỏ hay lớn. Ngay cả những phần mềm kế toán đơn giản nhất cũng có thể mang lại điều này. Với việc thay đổi về nhu cầu quản lý tài chính của công ty, hoàn toàn có thể nâng cấp lên phiên bản tốt hơn hay mở rộng quy mô ứng dụng. Phần mềm kế toán giúp tối ưu hóa quá trình kinh doanh để có thể quản lý một cách đơn giản và dễ dàng. Hơn nữa, nó dễ dàng chia sẻ dữ liệu và báo cáo phục vụ cho các chương trình kinh doanh khác. Khi áp dụng phần mềm kế toán giúp cho bộ máy kế toán đơn giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành tốt công việc. Bộ máy kế toán sắp xếp đúng người, đúng việc để đảm bảo các đối tượng được theo dõi một cách chính xác.

Từ đó, giúp tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả cho công ty.

Kiến nghị 2: Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Tính đến ngày 31/12/2013, số tiền phải thu khách hàng của Công ty là 2.133.162.596 đ nhưng Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Điều này có thể gây ra những rủi ro trong kinh doanh cho công ty nếu khách hàng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán. Vì vậy, việc trích lập một khoản dự phòng phải thu khó đòi là điều cần thiết, giúp cho doanh nghiệp giảm thiểu được những tổn hại không lường trước được. Dự phòng phải thu khó đòi được phản ánh vào tài khoản: TK 139 “Dự phòng phải thu khó đòi”

Phương pháp xác định:

$$\begin{matrix} \text{Mức dự phòng cần} \\ \text{lập cho khách hàng} \\ \text{đáng ngờ i} \\ \text{Năm N+1} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Tổng số nợ phải thu} \\ \text{của khách hàng đáng} \\ \text{ngờ i ngày 31/12/N} \end{matrix} \times \begin{matrix} \text{Tỷ lệ ước tính không} \\ \text{thu được của khách} \\ \text{hàng đáng ngờ i} \end{matrix}$$

Mức trích lập: (Theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009)
 Đối với nợ phải thu khó đòi đã quá hạn thanh toán, mức tổn thất để trích lập dự phòng như sau:

Quá hạn thanh toán	Mức trích lập
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%
	(Coi như khoản nợ không đòi được)

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán, doanh nghiệp tự dự kiến mức tổn thất để trích lập dự phòng.

✓ **Tác dụng của kiến nghị:**

- Kiểm soát tình hình công nợ.
- Giảm thiểu mức tổn thất có thể xảy ra cho doanh nghiệp nếu khách hàng rơi vào tình trạng không còn khả năng thanh toán.

✓ **Ví dụ 9:** Cuối năm kế toán, căn cứ vào bảng kê công nợ, kế toán tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Theo bảng kê công nợ, Công ty CP VTNN Bắc Giang mua hàng từ tháng 12/05/2013, đồng thời trong hợp đồng kinh tế ghi

rõ trị giá lô hàng là 149.500.000đ, thời hạn thanh toán là 11/06/2013 nhưng tính đến thời điểm 31/12/2013 Công ty vẫn chưa thanh toán tiền hàng. Như vậy, Công ty CP VTNN Bắc Giang đã quá hạn thanh toán 6 tháng, kế toán tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi:

Nợ TK 642: $149.500.000 \times 30\% = 44.850.000$

Có TK 139: $149.500.000 \times 30\% = 44.850.000$

Kiến nghị 3: Các biện pháp nhằm tăng doanh thu của doanh nghiệp

Có rất nhiều biện pháp làm tăng doanh thu của doanh nghiệp tùy thuộc vào đặc điểm và lĩnh vực kinh doanh của từng doanh nghiệp mà lựa chọn những biện pháp phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp. Song yêu cầu của việc sử dụng các biện pháp làm tăng doanh thu đòi hỏi doanh nghiệp phải thực hiện sao cho có sự kết hợp giữa các biện pháp để đạt được hiệu quả tổng hợp.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh đúng đắn và phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp
- Xây dựng và triển khai các kế hoạch và các chính sách marketing, đẩy mạnh nghiên cứu khai thác thị trường tìm hiểu nhu cầu của khách hàng.
- Tổ chức tốt quá trình kinh doanh sản phẩm hàng hóa và dịch vụ của công ty.
- Lựa chọn cơ cấu mặt hàng kinh doanh hợp lý
- Tổ chức và lựa chọn phương thức bán phù hợp, phương thức thanh toán thuận tiện, thực hiện nâng cao chất lượng dịch vụ sau bán hàng.

Kiến nghị 4: Cắt giảm chi phí hiệu quả

Doanh nghiệp cần phải gắn kết các chương trình cắt giảm chi phí với hoạt động quản lý chi phí. Những lợi thế có được từ hoạt động cắt giảm chi phí chỉ bền vững, nếu sau đó doanh nghiệp thực hiện một kế hoạch quản lý chi phí hiệu quả. Quản lý chi phí hiệu quả, thì doanh nghiệp sẽ tối thiểu hoá việc đưa ra các kế hoạch cải thiện hoạt động kinh doanh trên quy mô lớn. Hoạt động quản lý chi phí trở thành một bộ phận không tách rời với chiến lược tăng trưởng kinh doanh then chốt.

Doanh nghiệp nên kết hợp đồng thời 2 cách quản lý chi phí: một là, cắt giảm mọi chi phí vừa không cần thiết vừa không tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm dịch vụ ở mỗi công đoạn sản xuất chế biến; hai là tăng khối lượng sản phẩm, dịch vụ làm ra để giảm giá thành trên từng đơn vị sản phẩm dịch vụ.

Để quản lý chi phí đạt hiệu quả nếu các chi phí được cắt giảm bao gồm tất cả chi phí không những không cần thiết còn không tạo ra một giá trị gia tăng nào cả cho cả mặt hàng và khách hàng, doanh nghiệp nên tập trung vào các việc sau:

- Doanh nghiệp phải xác định rõ ràng và nhất quán đâu là chi phí không cần thiết và không tạo ra giá trị gia tăng
 - Sử dụng các mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận và doanh số bán hàng để kích lệ sự cần thiết và gắn kết với hoạt động quản lý chi phí theo định hướng tăng trưởng bền vững
 - Doanh nghiệp chỉnh sửa các mục tiêu cắt giảm chi phí cho phù hợp với thực tế chi phí hiện tại và các chiến lược kinh doanh cụ thể
 - Xây dựng những điều kiện thích hợp cho việc cắt giảm chi phí hiện tại
 - Việc cắt giảm các chi phí nhưng vẫn đảm bảo được sự tăng trưởng phải có sự thích hợp giữa những chỉ đạo “từ trên xuống dưới” và đề xuất “từ dưới lên trên”
- Kiến nghị 5: Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại công ty Cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh**

✓ **Lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho từng đối tượng**

Công ty cần lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh nhằm xác định rõ từng khoản mục trong chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng. Xem xét và tìm nguyên nhân gây ra biến động lớn của các khoản mục chi phí so với cùng kỳ năm trước hoặc so với kỳ trước đó đồng thời xác định hiệu quả kinh tế mang lại do chi các khoản này để có biện pháp tiết kiệm chi phí một cách hợp lý.

Công ty nên mở thêm sổ chi tiết cho tài khoản 641, 642 theo từng tài khoản cấp 2 để tiện theo dõi chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ một cách chi tiết, rõ ràng hơn giúp cho việc kiểm tra đối chiếu dễ dàng. Cụ thể:

- | - Tài khoản 641: | - Tài khoản 642 |
|--------------------------------------|-------------------------------------|
| - TK6411: Chi phí nhân viên bán hàng | - TK6421: Chi phí nhân viên quản lý |
| - TK6412: Chi phí vật liệu bao bì | - TK6422: Chi phí vật liệu quản lý |
| - TK6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng | - TK6423: Chi phí đồ dùng văn phòng |
| - TK6414: Chi phí khấu hao TSCĐ | - TK6424: Chi phí khấu hao TSCĐ |
| - TK6415: Chi phí bảo hành | - TK6425: Thuế, phí và lệ phí |
| - TK6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài | - TK6426: Chi phí dự phòng |
| - TK 6418: Chi phí bằng tiền khác | - TK6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài |
| | - TK6428: Chi phí bằng tiền khác |

Biểu mẫu số 3.1: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 641- Chi phí bán hàng

Tháng 12/2013

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền	Chia ra		
SH	Ngày tháng				6411	6417	6418
.....			
BL12	10/12/2013	Lương nhân viên bán hàng	112	105.000.000	105.000.000		
PC 33/12	27/12/2013	Cước điện thoại cho nhân viên bán hàng	111	1.350.000		1.350.000	
PC 42/12	29/12/2013	Tiền mua xăng dầu	111	27.300.000		27.300.000	
.....		
		Cộng		870.638.500	778.145.000	35.258.500	
						57.235.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu mẫu số 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tháng 12/2013

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền	Chia ra					
SH	Ngày tháng				6421	6422	6424	6425	6427	6428
.....	
GBN 73	7/12/2013	Phí chuyển tiền	112	15.000				15.000		
PC 23/12	14/12/2013	Trả cước điện thoại	111	1.862.303					1.862.303	
PC36/12	22/12/2013	Chi phí tiếp khách	111							2.095.000
.....	
PKT15/12	31/12/2013	Tính lương tháng 12	334	385.236.965	385.236.965					
PKT 21/12	31/12/2013	Khấu hao TSCĐ tháng 12					21.162.216			
		Cộng		611.124.000	467.006.399	40.355.843	21.162.216	30.326.952	26.289.635	25.982.955

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

✓ Lập sổ bán hàng chi tiết cho từng đối tượng

Công ty nên mở đầy đủ các sổ bán hàng chi tiết cho từng mặt hàng tiêu thụ. Bởi vì, khi hạch toán vào một sổ chi tiết duy nhất thì rất dễ gây nhầm lẫn, đồng thời phản ánh không chính xác doanh thu và kết quả kinh doanh của từng mặt hàng riêng biệt. Bên cạnh việc lập Sổ chi tiết bán hàng, công ty cũng cần lập Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Cuối kỳ, kế toán sẽ tiến hành tổng hợp số liệu từ các Sổ chi tiết bán hàng vào Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Sau đó, kế toán sẽ đối chiếu số liệu trên Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng với Sổ cái Tài khoản 511 để kiểm tra xem số liệu có chính xác và logic không. Việc lập các Sổ này giúp cho công tác quản lý doanh thu được cụ thể và chặt chẽ hơn.

➤ Ví dụ 10:

Ngày 24/12/2013, Công Ty Cổ Phần giống cây trồng Quảng Ninh xuất bán 250 kg thóc NB01 cho Công Ty Cổ Phần Thiệu Yên – Thanh Hóa, số tiền là 5.000.000đ . Khách hàng chưa thanh toán.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, kế toán phản ánh doanh thu của nghiệp vụ bán hàng vào Sổ chi tiết bán hàng –NB01. Cuối quý, kế toán tập hợp số liệu từ Sổ chi tiết bán hàng – NB01 vào Bảng tổng hợp bán hàng:

Biểu mẫu số 3.4: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty CP giống cây trồng Quảng Ninh

Địa chỉ: Hưng Đạo-Đông Triều-Quảng ninh

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: NB01

Tháng 12/2013

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Doanh thu				Các khoản giảm trừ	
SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác (521,531,532)
						Nợ	Có		
								
HDGTGT 0000955	10/12	Bán hàng cho HTX Hồng Thái Đông	131	500	20.000		10.000.000		
HDGTGT 0000975	24/12	Bán hàng cho cty CPTM Thiệu yên	131	250	20.000		5.000.000		
								
		Cộng số phát sinh					152.450.000		

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

Biểu mẫu 3.3: Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng

Công ty CP giống cây trồng Quảng Ninh

Hung Đạo-Đông Triều-Quảng Ninh

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tháng 12/2013

STT	Tên thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	Số phát sinh	
		Nợ	Có
1	NB01		152.450.000
2	QR1	83.250.000	37.200.000
		
	Cộng	172.500.000	345.100.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh)

3.2.4. Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa và việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa, điều tiết chi phí, hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành hàng hóa, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng kết quả hoạt động kinh doanh, phân phối thu nhập chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ tin cậy cao. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh được những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những pháp giải kịp thời khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

KẾT LUẬN

Trên đây là toàn bộ nội dung cuốn khóa luận tốt nghiệp với đề tài: “*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh*”.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu lý luận với thực tiễn, em thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận không thể tách rời trong toàn bộ công tác kế toán tại doanh nghiệp. Nó cung cấp số liệu về kế toán kịp thời cho việc phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ và thanh toán công nợ, phản ánh đầy đủ kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất, kinh doanh phục vụ đắc lực cho việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó, Công ty đã rất coi trọng công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh. Từ đó xác định được uy tín với khách hàng và có được vị trí như ngày hôm nay.

Trong quá trình thực tập tại công ty, do trình độ còn hạn chế và thời gian không có nhiều nên em chỉ đi vào những vấn đề cơ bản và chủ yếu. Trên cơ sở những ưu điểm và tồn tại của công ty, em xin mạnh dạn đưa ra những ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

Do kiến thức còn hạn chế nên bài khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự giúp đỡ của ban lãnh đạo công ty, các thầy cô giáo và các cô chú, anh chị trong phòng kế toán để em hoàn thiện bài khóa luận này.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn các thầy cô, đặc biệt là GVHD – Thạc sĩ Ninh Thị Thùy Trang cùng các cô chú, anh chị phòng kế toán trong Công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh đã nhiệt tình giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thành bài khóa luận.

Hải Phòng, ngày ... tháng...năm 2014

Sinh viên

Đặng Thị Ngọc Bích

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)
2. Kế toán tài chính (tái bản lần thứ tư đã chỉnh sửa bổ sung theo thông tư số 23/2005/TT-BTC ban hành ngày 30/03/2005)
3. Kế toán doanh nghiệp (theo luật kế toán mới - NXB thống kê Hà Nội)
4. Các sổ sách, chứng từ kế toán tại công ty cổ phần giống cây trồng Quảng Ninh
5. Các khóa luận năm trước
6. Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
7. Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
8. Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 32/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
9. Trang web:
 - + <http://tailieu.vn>
 - + <http://webketoan>
 - + <http://tailieu.hpu.edu.vn/> Tài liệu số trường Đại học dân lập Hải Phòng